

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐẠI NAM**  
**KHOA LUẬT**



**NGUYỄN SƠN TÙNG**  
**Lớp: LKT 13 - 01 khóa: 13**

**HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ DƯỚI GÓC ĐỘ PHÁP LÝ:**  
**THỰC TIỄN VÀ GIẢI PHÁP**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC**  
**CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ**

**Giảng viên hướng dẫn: TS. Nguyễn Thị Vy**

**HÀ NỘI - 2023**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐẠI NAM  
KHOA LUẬT**



**NGUYỄN SƠN TÙNG**  
**Lớp: 13-01 khóa: 13**

**HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ DƯỚI GÓC ĐỘ PHÁP LÝ:  
THỰC TIỄN VÀ GIẢI PHÁP**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC  
CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ**  
**Giảng viên hướng dẫn: TS. Nguyễn Thị Vy**

**HÀ NỘI - 2023**

## **LỜI CAM ĐOAN**

Tôi xin cam đoan Khóa luận tốt nghiệp của tôi là kết quả nghiên cứu của riêng tôi dưới sự giúp đỡ nhiệt tình của giảng viên hướng dẫn - TS. Nguyễn Thị Vy. Thông tin tư liệu trong Khóa luận đảm bảo tính trung thực, chính xác, khách quan, có nguồn gốc rõ ràng, được trích dẫn đầy đủ.

Tôi xin chịu trách nhiệm hoàn toàn về nội dung và hình thức Khóa luận.

Sinh viên

**Nguyễn Sơn Tùng**

## **LỜI CẢM ƠN**

Lời đầu tiên, em xin gửi lời cảm ơn đến các Thầy, Cô giáo Khoa Luật, Đại học Đại Nam đã tận tình truyền đạt những kiến thức quan trọng và bổ ích không chỉ là nền tảng trong quá trình học tập mà còn là hành trang cho chặng đường phía trước của em.

Em xin chân thành cảm ơn tới cô Nguyễn Thị Vy đã tận tình hướng dẫn và giúp đỡ em trong quá trình hoàn thành Khóa luận tốt nghiệp.

Em xin cảm ơn Ban Lãnh đạo nhà Trường Đại học Đại Nam đã tạo điều kiện, cơ sở vật chất để em có cơ hội và môi trường học tập, rèn luyện.

Do kiến thức còn hạn chế và thời gian gấp gáp nên Khóa luận vẫn còn không ít thiếu sót. Em rất mong nhận được những đóng góp quý báu của các Thầy, Cô để Khóa luận của em hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

Sinh viên

**Nguyễn Sơn Tùng**

## DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

DNVVN	Doanh nghiệp vừa và nhỏ
XHCN	Xã hội chủ nghĩa
NSNN	Ngân sách nhà nước
HNHD	Hội đồng nhân dân
TNDN	Thu nhập doanh nghiệp
QPPL	Quy phạm pháp luật
NĐ-CP	Nghị định chính phủ
BLTD	Bảo lãnh tín dụng

## MỤC LỤC

<b>MỞ ĐẦU .....</b>	<b>8</b>
<b>CHƯƠNG 1. NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ DƯỚI GÓC ĐỘ PHÁP LÝ .....</b>	<b>16</b>
1.1. Một số khái niệm cơ bản.....	16
1.1.1 Định nghĩa, đặc điểm và vai trò của doanh nghiệp vừa và nhỏ ở Việt Nam .....	16
1.1.2. Khái niệm về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp.....	17
1.2. Đặc điểm của việc hỗ trợ pháp lý đối với DNVVN.....	18
1.2.1. Sự cần thiết về hỗ trợ pháp lý .....	21
1.2.2. Vai trò của việc hỗ trợ pháp lý đối với DNVVN .....	24
1.2.3. Nguyên tắc, nội dung hỗ trợ pháp lý đối với DNVVN .....	26
1.2.4. Phương thức hỗ trợ pháp lý cho DNVVN .....	28
1.3. Pháp luật về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp của một số nước và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam .....	28
1.3.1. Pháp luật hỗ trợ DNVVN tại Mỹ.....	29
1.3.2. Pháp luật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Western Balkans và Thổ Nhĩ Kỳ .....	29
1.3.3. Pháp luật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Hàn Quốc.....	31
1.3.4. Pháp luật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Malaysia.....	32
1.3.5. Bài học kinh nghiệm rút ra cho Việt Nam.....	33
<b>TIÊU KẾT CHƯƠNG 1 .....</b>	<b>35</b>
<b>CHƯƠNG 2. THỰC TRẠNG VỀ VIỆC HỖ TRỢ PHÁP LÝ CHO DNVVN Ở VIỆT NAM.....</b>	<b>37</b>
2.1. Thực trạng pháp luật hiện hành tại Việt Nam .....	37
2.1.1. Các quy định pháp luật về hỗ trợ tín dụng cho DNVVN.....	38
2.1.2. Các quy định pháp luật về hỗ trợ về thuế và kế toán cho DNVVN ....	40
2.1.3. Các quy định pháp luật về hỗ trợ thông tin, tư vấn và pháp lý cho DNVVN.....	41
2.1.4. Các quy định pháp luật về hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực cho DNVVN.....	43
2.1.5. Các quy định pháp luật về hỗ trợ mặt bằng sản xuất cho DNVVN....	43
2.1.6. Các quy định pháp luật về khoa học, công nghệ cho cho DNVVN ....	43

2.1.7. Các quy định pháp luật về hỗ trợ mở rộng thị trường cho DNVVN...	44
2.1.8. Các quy định pháp luật về hỗ trợ phát triển nguồn lực.....	44
2.1.9. Các quy định hỗ trợ DNVVN chuyển đổi từ hộ kinh doanh .....	44
2.1.10. Các quy định về hỗ trợ DNVVN khởi nghiệp sáng tạo: .....	45
2.2. Thực tiễn thực hiện pháp luật hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp .....	46
2.3. Những khó khăn, bất cập và nguyên nhân dẫn đến những hạn chế trong hoạt động hỗ trợ pháp lý đối với DNVVN .....	49
2.3.1. Những hạn chế, bất cập .....	49
2.3.2. Nguyên nhân cũng những bất cập và khó khăn .....	53
<b>TIÊU KẾT CHƯƠNG 2 .....</b>	<b>56</b>
<b>Chương 3. PHƯƠNG HƯỚNG , GIẢI PHÁP GÓP PHẦN HỖ TRỢ PHÁP LÝ CHO DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ TẠI VIỆT NAM.....</b>	<b>58</b>
3.1. Phương hướng hỗ trợ pháp lý cho DNVVN hiện nay .....	58
3.1.1. Hoàn thiện pháp luật hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp ở Việt Nam phải phù hợp với đường lối đổi mới, chủ trương của Đảng và Nhà nước về hỗ trợ doanh nghiệp.....	58
3.1.2. Hoàn thiện pháp luật về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhằm huy động sự tham gia tích cực của các cơ quan, tổ chức, cá nhân vào hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp .....	59
3.1.3. Hoàn thiện pháp luật về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp đảm bảo tính đồng bộ, tính khả thi .....	61
3.2. Các giải pháp hoàn thiện pháp luật về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp	62
<b>TIÊU KẾT CHƯƠNG 3 .....</b>	<b>66</b>
<b>KẾT LUẬN .....</b>	<b>68</b>
<b>DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....</b>	<b>70</b>

## MỞ ĐẦU

### 1. Lý do chọn đề tài

Doanh nghiệp vừa và nhỏ là hình thức tổ chức doanh nghiệp chiếm đa số trong nền kinh tế Việt Nam với khoảng 98% tổng số doanh nghiệp theo Bộ thông tin và Truyền thông. Trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội, các DNVVN đã có nhiều những đóng góp to lớn vào thành tựu phát triển chung của đất nước. Với ưu thế linh hoạt, năng động và thích ứng nhanh với những thay đổi của thị trường, các doanh nghiệp này đã khẳng định được vị trí và vai trò của mình. Loại hình doanh nghiệp này giúp tạo nhiều việc làm, tăng thu nhập cho người lao động, huy động được nguồn lực của xã hội cho việc đầu tư, phát triển, xóa đói, giảm nghèo bền vững, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người dân. Thực tế cho thấy, những doanh nghiệp lớn thậm chí là khổng lồ hiện nay đều được phát triển từ những doanh nghiệp vừa và nhỏ. Ví dụ: Vingroup, tiền thân là Tập đoàn Technocom thành lập năm 1993 tại Ucraina và hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực kinh doanh sản xuất thức ăn đóng gói là mì tôm. Cho đến nay Vingroup đã phát triển thành doanh nghiệp có tổng tài sản vượt ngưỡng 23 tỷ USD với hơn 45.000 nhân viên và dự kiến sẽ tăng lên 150.000 người trong 2 năm tới trong 3 nhóm hoạt động là công nghệ, thương mại dịch vụ, thiện nguyện xã hội. Hay một doanh nghiệp khác là Thế giới di động cũng với tiền thân là một doanh nghiệp vừa và nhỏ do ông Nguyễn Đức Tài sáng lập vào năm 2004 chỉ với số vốn vón vẹn là 2 tỷ đồng theo mô hình thương mại điện tử. Hiện tại doanh nghiệp này đã có gần 2.000 siêu thị và doanh thu năm 2022 theo Báo cáo tài chính đạt hơn 1 tỷ USD. Điều này cho chúng ta thấy, DNVVN có vị trí, vai trò, mang lại sự ảnh hưởng đặc biệt quan trọng trong nền kinh tế của bất kỳ quốc gia nào.

Cùng với sự phát triển của DNVVN thì ở Việt Nam, trên thực tế, nhu cầu hỗ trợ pháp lý của doanh nghiệp trong việc giải quyết các khó khăn, vướng mắc, tranh chấp trong kinh doanh ở Việt Nam luôn được xếp ở vị trí cao hơn cả nhu cầu tìm kiếm mặt bằng kinh doanh phù hợp, nhu cầu tìm kiếm nhà cung cấp và nhu cầu tìm kiếm công nghệ vì thực tiễn doanh nghiệp Việt Nam cho thấy, nhận thức về vai trò, ý nghĩa pháp luật của nhiều chủ sở hữu, người quản lý doanh



ng nghiệp còn hạn chế, nhiều doanh nghiệp còn gặp khó khăn trong việc thực thi pháp luật do ít được sử dụng tư vấn pháp luật miễn phí và hoạt động của các tổ chức đại diện cho doanh nghiệp còn nhiều bất cập, các doanh nghiệp còn gặp nhiều khó khăn trong việc tiếp cận thông tin pháp luật.

Hiện nay, có 8 văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn Luật Hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ bao gồm 6 nghị định, 2 thông tư đi kèm với 35 điều Luật hỗ trợ vừa được Quốc hội thông qua và có hiệu lực từ ngày 1/1/2018. Các quy định về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp được ban hành và hoàn thiện nhằm đáp ứng nhu cầu hỗ trợ về mặt pháp lý ngày càng tăng của các doanh nghiệp. Tuy nhiên, sau quá trình triển khai thực hiện đã bộc lộ không ít những hạn chế, bất cập, vướng mắc, khó khăn như nhiều quy định về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp có nội dung còn chưa rõ ràng, cụ thể, chưa đảm bảo tính đồng bộ và tính hiệu lực chưa cao. Việc thực hiện hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp ở các bộ, ngành và địa phương còn chưa được thường xuyên, có tính đồng bộ và tính hệ thống nên hiệu quả chưa cao, nhân lực, kinh phí dành cho hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp chưa được quan tâm đúng mức. Cơ chế phối kết hợp giữa các bộ, ngành, địa phương và các tổ chức đại diện cho doanh nghiệp trong việc hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp còn chưa thực sự hiệu quả. Việc xác định nhu cầu hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp trong từng giai đoạn chưa thực sự sát với nhu cầu cần hỗ trợ của doanh nghiệp, việc thực hiện hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp của một số Bộ, ngành và địa phương còn mang tính hình thức, hiệu quả chưa cao, chưa thu hút được sự quan tâm của doanh nghiệp thụ hưởng các hoạt động hỗ trợ pháp lý của Nhà nước. Bên cạnh đó, có thể nhận thấy, các hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp thời gian qua chưa được quan tâm đúng mức, thực hiện chủ yếu theo kinh nghiệm, chưa được đầu tư nghiên cứu một cách cơ bản về lý luận, chậm tổng kết đánh giá thực tiễn. Nói cách khác, loại hình hỗ trợ pháp lý này chưa thu hút được nhiều sự quan tâm, tìm hiểu của các nhà nghiên cứu, nhà khoa học, trong khi đó nhu cầu hỗ trợ pháp lý của doanh nghiệp, nhất là DNVVN, doanh nghiệp khởi nghiệp, doanh nghiệp sáng tạo hay thậm chí là các doanh nghiệp trong thời điểm dịch bệnh đặt ra một cách rất cấp bách.

Vì vậy, em lựa chọn vấn đề ***“Hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ dưới góc độ pháp lý: Thực tiễn và giải pháp”*** làm đề tài Khóa luận tốt nghiệp của mình, đáp ứng yêu cầu cấp bách cả về lý luận và thực tiễn đặt ra.

## **2. Mục tiêu, nhiệm vụ nghiên cứu**

Mục tiêu nghiên cứu của Khóa luận là các vấn đề lý luận và pháp luật về hỗ trợ pháp lý cho các DNVVN; đánh giá thực trạng hoạt động hỗ trợ pháp lý cho DNVVN trong thời gian qua; từ đó đưa ra các giải pháp nhằm hoàn thiện cơ chế hỗ trợ pháp lý cho DNVVN trong thời gian tới.

Khóa luận tập trung nghiên cứu:

- Những vấn đề lý luận và pháp luật về hỗ trợ pháp lý cho các DNVVN.
- Đánh giá thực trạng hoạt động hỗ trợ pháp lý cho DNVVN trong thời gian qua.
- Phương hướng và giải pháp nhằm hoàn thiện cơ chế hỗ trợ pháp lý cho DNVVN trong thời gian tới.

## **3. Tình hình nghiên cứu**

Hoạt động hỗ trợ cho doanh nghiệp nhỏ và vừa (trong đó có hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp, thông tin pháp lý cho doanh nghiệp...) trên thế giới đã được thực hiện từ rất sớm, ở Hàn Quốc từ năm 1979, ở Anh từ những năm 1980 đã tập trung xây dựng các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, trong đó có hỗ trợ thông tin pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa để mục tiêu giải quyết tình trạng thất nghiệp. Hoặc như ở Pháp, việc cung cấp thông tin là nghĩa vụ của cơ quan nhà nước phải thực hiện: APEC (Agence Pour la Creation d'Entreprise) là cơ quan cung cấp các thông tin về thị trường, bảo hiểm xã hội, thuế và hệ thống pháp luật tại Pháp. Chính vì vậy, cũng đã có các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước liên quan đến Đề tài luận án về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp, nhất là việc nghiên cứu về các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa. Ở Việt Nam, từ những năm 2001 (thời điểm Nghị định số 90/2001/NĐ-CP ngày 23/01/2001 của Chính phủ về trợ giúp phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa) đến nay cũng có khá

hiều công trình nghiên cứu về thực trạng công tác hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa và nhất là từ năm 2008 (thời điểm Nghị định số 66/2008/NĐ-CP được ban hành) có khá nhiều công trình nghiên cứu chuyên sâu về hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp (đây là một trong 07 hình thức hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa được quy định trong Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2017 hiện nay).

Trên thế giới có khá nhiều công trình nghiên cứu đề cập đến hỗ trợ cho doanh nghiệp khởi nghiệp, doanh nghiệp nhỏ và vừa, tuy nhiên, đi sâu vào lĩnh vực hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp thì trong khả năng hiểu biết của tác giả, có một số nghiên cứu tiêu biểu như sau:

- Trong tài liệu “Startups and Unmet Legal Needs” (khởi nghiệp và các nhu cầu pháp lý chưa được đáp ứng) của University of California, Hastings College of the Law phát hành năm 2016 đã nhận định rằng, đối với các công ty khởi nghiệp, các quy định pháp lý hầu như chính là các nội dung chính tại các cuộc họp hàng ngày của công ty, vấn đề thực hiện pháp luật đối với các doanh nghiệp khởi nghiệp là vấn đề mang tính chất cấp bách. Nhu cầu cần hỗ trợ pháp lý từ thời điểm công ty thành lập là vấn đề đặc biệt quan trọng nếu như không muốn nhận được các hậu quả pháp lý nghiêm trọng tốn kém chi phí hơn như vấn đề về thuế, sự bất đồng giữa những người sáng lập công ty, chính sách bảo mật, sở hữu trí tuệ... khiến công ty phải chịu rủi ro pháp lý cao.

- Trong tác phẩm “Business and Human Rights: a challenge for enterprises?” (Kinh doanh và Quyền con người: Một thách thức đối với doanh nghiệp?) của nhóm chuyên gia AVSI Kinh doanh và Quyền con người Alessandro Costa đăng tại [www.avsi.org](http://www.avsi.org) có nhận định rằng, Hội đồng Liên Hiệp Quốc phê duyệt việc tuân thủ các quyền trong hoạt động kinh doanh, đặc biệt là việc giải quyết các vướng mắc cho doanh nghiệp và hỗ trợ doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa trong suốt quá trình kinh doanh, nhất là khi gặp khó khăn của việc tuân thủ pháp luật, tuân thủ quyền con người, quyền kinh doanh của doanh nghiệp. Trên thực tế, vấn đề này ngày càng cấp bách và cần thiết, dựa trên việc xác định và phân tích hơn 300 trường hợp liên quan đến vi phạm quyền của các doanh nghiệp

và các tổ chức tài chính ở cấp độ toàn cầu. Theo đó, việc hỗ trợ pháp luật, hỗ trợ quyền kinh doanh cho doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa là việc làm cần được nghiên cứu và cảnh báo nhằm nâng cao sức cạnh tranh cho doanh nghiệp, hạn chế rủi ro pháp lý trong kinh doanh, thúc đẩy kinh doanh phát triển. Trong nghiên cứu luận án tiến sĩ của tác giả, với các thông tin hữu ích trên khẳng định cho nhận định rằng, việc hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa cũng được đánh giá như một nghĩa vụ hỗ trợ của Nhà nước (được coi là một loại hình dịch vụ công của nhà nước), các tổ chức dịch vụ pháp lý đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp khởi nghiệp, sáng tạo, coi đây là trách nhiệm chung của xã hội, của cộng đồng vì mục đích chung phát triển kinh tế - xã hội.

- Đạo luật về Ủy ban Dịch vụ pháp lý 1977 của Australia cho thấy, từ năm 1977 Ủy ban Dịch vụ pháp lý Bang South Australia (legal services commission of SA) tại Australia được thành lập để điều phối các chương trình hỗ trợ pháp lý cho những người không có khả năng chi trả các dịch vụ pháp lý có thu phí như tư vấn pháp luật, giáo dục cộng đồng và đại diện pháp lý nhằm bảo đảm quyền bình đẳng của tất cả công dân trong việc tiếp cận công lý tại Bang South Australia.

Ở Việt Nam đã có một số công trình nghiên cứu đề cập đến khái niệm, đặc điểm và vai trò của hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp, trong đó có những công trình tiêu biểu như sau:

- Ở Việt Nam, đến những năm đầu của thế kỷ XXI mới có các công trình nghiên cứu đầu tiên về công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp. Đó là đề tài “Nghiên cứu cơ chế hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường và việc mở rộng thị trường dịch vụ pháp lý trong điều kiện hội nhập quốc tế” do Bộ Tư pháp nghiên cứu từ năm 2007 và nghiệm thu đầu năm 2008. Đây là công trình nghiên cứu được thực hiện trước khi Việt Nam ban hành Nghị định số 66/2008/NĐ-CP. Công trình nghiên cứu này nhằm mục đích khảo sát và cung cấp những luận cứ và tiền đề cho việc khuyến nghị xây dựng dự thảo Nghị định đầu tiên về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp ở Việt Nam (đây được coi là văn bản pháp lý đầu tiên và cao nhất về công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp và cũng là

Nghị định được coi là “Nghị định không đầu”<sup>10</sup>). Trong giai đoạn này chưa xuất hiện những công trình nghiên cứu mang tính chuyên sâu về công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp tại Việt Nam.

- Cẩm nang “Chuyên đề về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp”, năm 2013, Nhà Xuất bản Tư pháp – Bộ Tư pháp. Cuốn cẩm nang này đã đưa ra được những vấn đề cơ bản về khái niệm, nội dung, hình thức hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp theo Nghị định số 66/2008/NĐ-CP, hướng dẫn các nội dung thực hành, nghiệp vụ về công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp. Cụ thể như, theo cẩm nang này thì quy định việc hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp được định nghĩa là quy định về hình thức, nội dung hỗ trợ pháp lý, điều kiện bảo đảm hoạt động hỗ trợ pháp lý cho các đối tượng được hưởng chính sách (doanh nghiệp và tổ chức, cá nhân kinh doanh); trách nhiệm của các Bộ, cơ quan ngang Bộ và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong việc hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp. Cẩm nang này đề cập đến các nội dung chủ yếu mang tính chất hướng dẫn nghiệp vụ chi tiết nhưng cũng có nhiều nội dung về hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp, các hướng dẫn chuyên đề theo các hình thức hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp được quy định trong Nghị định số 66/2008/NĐ-CP. Đây là những nội dung hữu ích cho Nghiên cứu sinh khi nghiên cứu và xây dựng khái niệm về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp và là cơ sở để Nghiên cứu sinh đưa ra các nhận định về nội dung, hình thức hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp trong phần nội dung của luận án.

- Trong công trình “Hỗ trợ pháp lý doanh nghiệp – Những vấn đề lý luận và thực tiễn”, Luận văn thạc sĩ luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội, năm 2012, Phan Thị Thu Thủy đã phân tích về sự cần thiết của hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp, nêu khái niệm, nội dung và hình thức hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp tại Việt Nam, trao đổi về thực trạng hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp ở nước ta hiện nay và đề xuất các giải pháp nhằm tăng cường hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp Việt Nam trong tình hình mới, trong đó có việc thông tin pháp lý cho doanh nghiệp, bồi dưỡng kiến thức pháp lý cho doanh nghiệp, xây

dựng và thực hiện các chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp; giải pháp về nhân lực và tài chính hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp.

#### **4. Phạm vi nghiên cứu**

Phạm vi nghiên cứu đối với đề tài Hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ dưới góc độ pháp lý là:

- Khóa Luận nghiên cứu những vấn đề lý luận và các quy định pháp luật về hỗ trợ pháp lý đối với DNVVN ở Việt Nam; theo đó phân tích, bình luận và so sánh với một số quy định của pháp luật nước ngoài để rút ra những bài học kinh nghiệm cần thiết cho quá trình xây dựng và hoàn thiện pháp luật về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp ở Việt Nam

- Khóa Luận nghiên cứu đến tất cả các chủ thể kinh doanh, trong đó có cả các hợp tác xã các cá nhân kinh doanh và các chủ thể kinh doanh này cũng có nhu cầu lớn về hỗ trợ pháp lý. Tuy nhiên, trong phạm vi nghiên cứu Khóa Luận chủ yếu tập trung nghiên cứu nhu cầu hỗ trợ pháp lý của các DNVVN, trong đó có cả các doanh nghiệp khởi nghiệp, doanh nghiệp sáng tạo.

- Khóa Luận nghiên cứu các quy định pháp luật liên quan đến sự hỗ trợ của Nhà nước đối với DNVVN ở Việt Nam từ năm 2017 đến thời điểm hiện tại.

#### **5. Phương pháp nghiên cứu**

Khóa luận nghiên cứu dựa trên cơ sở vận dụng lý luận của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng và duy vật lịch sử; các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, cùng các phương pháp phân tích, đánh giá, so sánh, tổng hợp...

#### **6. Đóng góp của khóa luận**

Trong quá trình nghiên cứu và thực hiện đề tài nói trên, Khóa luận sẽ:

- Làm rõ tính tất yếu khách quan của sự ra đời và quá trình phát triển của chế định hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp tại Việt Nam.

- Phân tích, làm sáng tỏ những vấn đề lý luận về DNVVN và sự hỗ trợ về mặt pháp lý đảm bảo sự bình đẳng, an toàn, trợ giúp hết sức cho các doanh nghiệp phát triển.

- Tiếp cận và nghiên cứu một cách có hệ thống pháp luật về hỗ trợ cho DNVVN và kinh nghiệm hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp của một số nước có nền kinh tế phát triển dưới góc độ so sánh với pháp luật Việt Nam, trên cơ sở đó, rút ra những bài học nhằm hoàn thiện pháp luật cũng như nâng cao hiệu quả hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp.

- Xác định những nguyên nhân, những bất cập, hạn chế, khó khăn trong việc hỗ trợ các DNVVN về mặt pháp lý.

- Đề xuất các phương hướng, giải pháp nhằm đem lại tính đóng góp vào việc hoàn thiện về mặt pháp lý để có thể hỗ trợ một cách khả thi nhất cho các DNVVN.

## **7. Bố cục của Khóa luận**

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, nội dung của khóa luận bao gồm 3 chương. Chương I: Những vấn đề lý luận về hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ dưới góc độ pháp lý; Chương II: Thực trạng về việc hỗ trợ pháp lý cho dnvvn ở việt nam; Chương III: Phương hướng, giải pháp góp phần hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp vừa và nhỏ tại việt nam

# CHƯƠNG 1. NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ DƯỚI GÓC ĐỘ PHÁP LÝ

## 1.1. Một số khái niệm cơ bản

*1.1.1 Định nghĩa, đặc điểm và vai trò của doanh nghiệp vừa và nhỏ ở Việt Nam*

### ***\*Định nghĩa, đặc điểm***

Tại Việt Nam, căn cứ theo điều 6 tại Nghị định số 39/2018/NĐ-CP thì doanh nghiệp nhỏ và vừa được phân theo quy mô bao gồm doanh nghiệp siêu nhỏ, doanh nghiệp nhỏ, doanh nghiệp vừa. Doanh nghiệp siêu nhỏ trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản và lĩnh vực công nghiệp, xây dựng có số lao động tham gia bảo hiểm xã hội bình quân năm không quá 10 người và tổng doanh thu của năm không quá 3 tỷ đồng hoặc tổng nguồn vốn không quá 3 tỷ đồng. Doanh nghiệp nhỏ trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản và lĩnh vực công nghiệp, xây dựng có số lao động tham gia bảo hiểm xã hội bình quân năm không quá 100 người và tổng doanh thu của năm không quá 50 tỷ đồng hoặc tổng nguồn vốn không quá 20 tỷ đồng. Doanh nghiệp vừa trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản và lĩnh vực công nghiệp, xây dựng có số lao động tham gia bảo hiểm xã hội bình quân năm không quá 200 người và tổng doanh thu của năm không quá 200 tỷ đồng hoặc tổng nguồn vốn không quá 100 tỷ đồng.

Một cách chung nhất, có thể hiểu rằng DNVVN là những doanh nghiệp có quy mô nhỏ bé về vốn, lao động hay doanh thu. Doanh nghiệp nhỏ và vừa có thể chia thành ba loại căn cứ vào quy mô, đó là: Doanh nghiệp siêu nhỏ, doanh nghiệp nhỏ và doanh nghiệp vừa. Và các doanh nghiệp này được xác định chủ yếu dựa theo các tiêu chí nhất định như: tiêu chí về lao động, tiêu chí về vốn, và tiêu chí về lĩnh vực kinh doanh.

### ***\*Vai trò***



Có thể thấy hiện ở nước ta có khoảng 98% trong tổng số doanh nghiệp hiện có là doanh nghiệp vừa và nhỏ, trong đó là 80% các doanh nghiệp nhà nước thuộc nhóm doanh nghiệp vừa và nhỏ, trong khu vực kinh tế tư nhân doanh nghiệp vừa và nhỏ chiếm tỷ trọng 97% xét về vốn và 99% xét về lao động so với tổng số doanh nghiệp của cả nước theo Bộ thông tin và Truyền thông. Các doanh nghiệp nhỏ và vừa chiếm tỷ trọng lớn, thậm chí áp đảo trong tổng số doanh nghiệp hiện tại. Chính vì vậy các doanh nghiệp vừa và nhỏ đã giúp đất nước chúng ta tạo ra nhiều việc làm với chi phí thấp; cung cấp cho xã hội một số lượng hàng hóa đáng kể về cả chất lượng, số lượng và chủng loại; gieo mầm cho các tài năng quản trị kinh doanh; tăng nguồn tiết kiệm và đầu tư cho dân địa phương; làm cho nền kinh tế năng động và hiệu quả hơn; Phát huy và tận dụng nguồn lực địa phương, góp phần phát triển kinh tế cũng như giữ gìn và phát huy các ngành nghề truyền thống, thể hiện bản sắc dân tộc.

### ***1.1.2. Khái niệm về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp***

Việc hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp khởi nghiệp, sáng tạo trong giai đoạn hiện nay là rất cần thiết không chỉ ở Việt Nam mà nhiều nước trên thế giới. Tuy nhiên, qua nghiên cứu cho thấy, do vẫn còn có những quan điểm khác nhau về công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp này nên chưa có một khái niệm chính thức về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nói chung trên thế giới trong phạm vi hiểu biết của tác giả và ngay tại Việt Nam cũng có những quan điểm còn khác nhau. Theo một số quan điểm cho rằng doanh nghiệp phải tự thân thực hiện pháp luật, Nhà nước không được hỗ trợ pháp lý cho các doanh nghiệp vì hành động này có thể làm ảnh hưởng đến sự phát triển của thị trường dịch vụ pháp lý tại Việt Nam, có thể gây bất bình đẳng giữa các doanh nghiệp với nhau. Một số quan điểm khác thì cho rằng hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp, nhất là các doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp khởi nghiệp, sáng tạo là một loại dịch vụ công, là một chức năng, nhiệm vụ quan trọng của Nhà nước đối với doanh nghiệp. Việc hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa là hợp lý, cần thiết, không mâu thuẫn với nguyên tắc bình đẳng giữa các loại hình doanh nghiệp.

Tóm lại chúng ta có thể hiểu rằng việc hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp chính là nhằm định hướng, nâng cao nhận thức, ý thức chấp hành pháp luật, giúp doanh nghiệp hoạt động và phát triển dựa trên một nền tảng pháp lý ổn định, chắc chắn, bền vững, lâu dài. Theo đó, các doanh nghiệp được hỗ trợ một cách hoàn toàn công bằng, không phân biệt đối xử. Nhà nước phải ban hành pháp luật để quy định mọi vấn đề liên quan đến hình thức hỗ trợ pháp lý quan trọng này, từ đối tượng được hỗ trợ pháp luật, nội dung, hình thức, phương thức trợ giúp pháp lý, mức độ trợ giúp, trách nhiệm của các chủ thể có liên quan đến hoạt động trợ giúp, chế tài do vi phạm nghĩa vụ này. Bộ, cơ quan ngang bộ, chính quyền địa phương cấp tỉnh thực hiện các hoạt động xây dựng, quản lý, duy trì, cập nhật cơ sở dữ liệu về pháp luật; xây dựng và tổ chức thực hiện các chương trình hỗ trợ pháp lý nhằm nâng cao hiểu biết, ý thức và thói quen tuân thủ pháp luật, hạn chế rủi ro, vướng mắc pháp lý trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp và hiệu quả tổ chức thi hành pháp luật.... tất cả các quy định đó tạo thành pháp luật về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa. Đây là một bộ phận quan trọng không thể thiếu của pháp luật về hỗ trợ cho doanh nghiệp nhỏ và vừa nói chung.

## **1.2. Đặc điểm của việc hỗ trợ pháp lý đối với DNVVN**

Đặc điểm của việc hỗ trợ pháp lý đối với DNVVN qua quá trình nghiên cứu cơ bản gồm có những điều sau đây:

**Thứ nhất**, hỗ trợ pháp lý cho DNVVN là một hoạt động phản ánh chức năng kinh tế của nhà nước. Hỗ trợ nói chung và hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nói riêng được nhiều nước trên thế giới quan tâm thực hiện không chỉ như một hoạt động bình thường, nhất thời mà là một công việc mang tính bản chất, thuộc chức năng của Nhà nước. Đó là vì: Nhà nước có nhiệm vụ thiết lập môi trường kinh doanh thuận lợi, bình đẳng cho mọi doanh nghiệp thuộc mọi quy mô kinh doanh; để thực hiện được nhiệm vụ này của mình thì Nhà nước nào cũng phải có chính sách ưu tiên nhất định cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa. Nói cách khác, hỗ trợ nói chung và hỗ trợ pháp lý nói riêng là một trong các biện pháp mà Nhà nước

cần phải thực hiện để đảm bảo sự bình đẳng trên thực tế giữa các doanh nghiệp có quy mô kinh doanh khác nhau.

**Thứ hai,** hỗ trợ pháp lý cho DNVVN là một loại dịch vụ công mà nhà nước có trách nhiệm đảm bảo thực hiện. Dịch vụ công là những hoạt động phục vụ các nhu cầu cơ bản, thiết yếu của người dân vì lợi ích chung của xã hội, do nhà nước chịu trách nhiệm trước xã hội (trực tiếp đảm nhận hay ủy quyền và tạo điều kiện cho khu vực tư thực hiện) nhằm bảo đảm ổn định và công bằng xã hội. Điều này không nhất thiết có nghĩa là nhà nước được độc quyền cung cấp các dịch vụ liên quan đến việc hỗ trợ pháp lý mà ngược lại có thể khuyến khích xã hội hóa một số dịch vụ cung cấp trợ giúp pháp lý cho các tổ chức không trực thuộc nhà nước. Có thể thấy rằng khái niệm, đặc điểm và phạm vi các dịch vụ công cho dù được tiếp cận ở nhiều góc độ khác nhau, chúng đều có tính chất chung là nhằm phục vụ cho nhu cầu và lợi ích chung thiết yếu của xã hội; bảo đảm tính công bằng và tính hiệu quả trong cung cấp dịch vụ. Các hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp vừa và nhỏ mang đầy đủ đặc điểm của dịch vụ công (xét về mặt chủ thể cung cấp, đối tượng thụ hưởng, quy trình, thủ tục cung cấp dịch vụ, cơ chế kiểm soát, đảm bảo chất lượng dịch vụ công...), ngoài ra, yếu tố hỗ trợ pháp lý miễn phí cho doanh nghiệp là đặc điểm quan trọng của dịch vụ hỗ trợ này.

**Thứ ba,** đối tượng trực tiếp được thụ hưởng các hoạt động hỗ trợ pháp lý là các DNVVN thuộc mọi thành phần kinh tế, không phân biệt hình thức sở hữu và mô hình tổ chức. Theo Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2017 (Điều 2 và Điều 14), Nghị định số 55/2019/NĐ-CP (Điều 2), việc hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp được thực hiện đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp, sáng tạo. Doanh nghiệp nhỏ và vừa là doanh nghiệp được thành lập, tổ chức và hoạt động theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp, đáp ứng các tiêu chí xác định doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa. Doanh nghiệp nhỏ và vừa bao gồm doanh nghiệp siêu nhỏ, doanh nghiệp nhỏ và doanh nghiệp vừa, có số lao động tham gia bảo hiểm xã hội bình quân năm không quá 100 người và đáp ứng một trong hai tiêu chí sau đây: Tổng nguồn vốn không quá 100 tỷ đồng; Tổng doanh thu của năm trước liền

kề không quá 200 tỷ đồng. Doanh nghiệp siêu nhỏ, doanh nghiệp nhỏ và doanh nghiệp vừa được xác định theo lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản; công nghiệp và xây dựng; thương mại và dịch vụ.

Đồng thời với việc ghi nhận nguyên tắc Nhà nước chỉ hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, Nghị định số 55/2019/NĐ-CP cũng có quy định mang tính mở, đó là, tùy thuộc vào nguồn lực, các bộ, cơ quan ngang bộ, chính quyền địa phương cấp tỉnh, tổ chức đại diện cho doanh nghiệp có thể quyết định áp dụng các quy định về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa để hỗ trợ pháp lý cho tổ chức, cá nhân kinh doanh không phải là doanh nghiệp nhỏ và vừa (Điều 19). Đây là đặc thù của công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp ở Việt Nam hiện nay. Tuy nhiên, lại không phải là ưu điểm mà là hạn chế vì về nguyên tắc (thông lệ quốc tế) các nước chỉ hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa mà không hỗ trợ cho doanh nghiệp lớn.

**Thứ tư**, hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp được thực hiện thông qua các hình thức và nội dung hỗ trợ do pháp luật quy định phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của đất nước trong từng giai đoạn. Nội dung hỗ trợ pháp lý tập trung vào những vấn đề pháp luật mà doanh nghiệp gặp phải trong quá trình sản xuất, kinh doanh. Hình thức hỗ trợ pháp lý là những phương thức hoạt động của chủ thể hỗ trợ, qua đó, việc hỗ trợ được thực hiện, mang lại lợi ích cho đối tượng được hỗ trợ. Nội dung và hình thức hỗ trợ được pháp luật quy định rõ ràng, cụ thể. Được hỗ trợ pháp lý là một nhu cầu của doanh nghiệp và việc đáp ứng nhu cầu này là nghĩa vụ của Nhà nước. Tuy nhiên, do nhu cầu hỗ trợ thì nhiều, khả năng đáp ứng của Nhà nước lại có hạn nên công tác hỗ trợ (nội dung và hình thức hỗ trợ) luôn được Nhà nước xác định theo từng thời kỳ và phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội trong từng giai đoạn, từng địa bàn.

**Thứ năm**, hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp được thực hiện trên cơ sở phối hợp giữa các cơ quan nhà nước với các tổ chức đại diện cho doanh nghiệp. Phối hợp là mối quan hệ giữa hai hay nhiều chủ thể khác nhau trong quá trình triển khai, thực hiện một công việc nào đó nhằm đạt mục đích chung. Nói

cách khác, phối hợp là sự làm việc cùng với nhau của từ ít nhất hai chủ thể trở lên, hành động theo một kế hoạch chung nhằm đạt được mục tiêu chung. Phối hợp trong hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp là việc các chủ thể có chức năng hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp cùng nhau bàn bạc, xây dựng và thực hiện các hoạt động dưới nhiều hình thức khác nhau nhằm đạt được mục đích chung là nâng cao tri thức pháp luật và ý thức tôn trọng, chấp hành pháp luật của doanh nghiệp, góp phần bảo đảm nguyên tắc bình đẳng trong kinh doanh, phòng ngừa, hạn chế tranh chấp và nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Việc phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước với các tổ chức đại diện cho doanh nghiệp trong hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp là rất cần thiết vì hoạt động của doanh nghiệp là rất đa dạng, liên quan đến chức năng quản lý nhà nước của nhiều Bộ, ngành, địa phương và chức năng đại diện của nhiều hiệp hội doanh nghiệp. Mỗi cơ quan quản lý nhà nước cũng như mỗi tổ chức đại diện cho doanh nghiệp đều có chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn riêng biệt. Việc thực hiện chức năng quản lý nhà nước cũng như chức năng đại diện cho doanh nghiệp là hoàn toàn độc lập với nhau. Do vậy, để đạt được sự thống nhất trong hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp và cùng hướng đến một mục tiêu chung, các cơ quan quản lý nhà nước và các tổ chức có liên quan cần phải phối hợp với nhau, tránh việc chồng chéo và trùng lặp trong hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp.

### ***1.2.1. Sự cần thiết về hỗ trợ pháp lý***

Vì sao chúng ta cần phải hỗ trợ pháp lý cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ tại Việt Nam hiện nay? Trong thời gian qua, Nhà nước ta đã ban hành nhiều đạo luật quan trọng như: Hiến pháp, Bộ luật Dân sự, Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư, Luật Hợp tác xã, Luật Thương mại, Luật Cạnh tranh, Luật Sở hữu trí tuệ, Luật Phá sản... và nhiều văn bản pháp luật khác có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Các văn bản pháp luật này đã tạo nên một khung pháp lý tương đối đầy đủ và thuận tiện cho các doanh nghiệp hoạt động. Xã hội chúng ta ngày càng phát triển, sự đẩy mạnh công nghệ hóa, hiện đại hóa thì việc hỗ trợ pháp lý

là đặc biệt quan trọng. Để đảm bảo sự phát triển bền vững của các doanh nghiệp nói chung, DNVVN nói riêng, rất cần phải có một nền tảng pháp lý đủ mạnh, một hàng lang pháp lý vững chắc, một môi trường pháp lý minh bạch và hiệu quả cho DNVVN. Thực tiễn vận hành của nền kinh tế quốc dân đòi hỏi phải có một khung pháp lý để điều chỉnh hoạt động hỗ trợ của Nhà nước đối với DNVVN bằng luật pháp.

Trên thực tế, so với thời kỳ trước đổi mới, các doanh nghiệp và các chủ thể kinh doanh khác được thành lập ngày càng nhiều về số lượng, đa dạng về quy mô và hình thức hoạt động (ước tính trong năm 2023 đất nước chúng ta đang có gần 683.000 doanh nghiệp đang chính thức hoạt động theo kết quả sơ bộ tổng điều tra kinh tế và điều tra cơ sở hành chính năm 2022). Kết quả hoạt động của lực lượng doanh nhân này đã góp phần quan trọng vào việc thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Tuy nhiên, theo đánh giá của Bộ Tư pháp, hoạt động của các doanh nghiệp vẫn còn nhiều hạn chế, trong đó có việc thực hiện pháp luật. Trình độ hiểu biết luật pháp và ý thức chấp hành pháp luật của một bộ phận chủ sở hữu và người quản lý chưa cao; một số doanh nghiệp còn làm ăn không trung thực, cố tình vi phạm quy định pháp luật; quản trị nội bộ doanh nghiệp còn yếu, chưa minh bạch; ... Sự hạn chế trong việc thực hiện pháp luật của doanh nghiệp là do những nguyên nhân từ hai phía gây ra: phía doanh nghiệp và phía Nhà nước.

***\* Về phía doanh nghiệp:***

- Thứ nhất về phía doanh nghiệp, nhận thức về vai trò, ý nghĩa của pháp luật của nhiều chủ sở hữu, người quản lý doanh nghiệp còn hạn chế. Tình trạng doanh nghiệp không chú ý tới việc tìm hiểu và thực hiện pháp luật là phổ biến. Nhiều doanh nghiệp chưa ý thức được tầm quan trọng của dịch vụ pháp lý, chưa có thói quen sử dụng tư vấn pháp luật để áp dụng, thi hành pháp luật và phòng, chống rủi ro trong kinh doanh.

- Thứ hai, nhiều doanh nghiệp còn gặp khó khăn trong thực hiện pháp luật do ít được sử dụng tư vấn pháp luật miễn phí và hoạt động hỗ trợ của các hiệp hội

doanh nghiệp về vấn đề này còn nhiều bất cập. Thực tế này khó giải quyết vì tuyệt đại đa số các doanh nghiệp hiện nay là nhỏ và vừa, tiềm lực tài chính eo hẹp.

- Thứ 3, các doanh nghiệp còn gặp khó khăn trong việc tiếp cận với thông tin pháp luật. Theo báo cáo của Bộ Tư pháp năm 2016 thì có khoảng 25% doanh nghiệp được thống kê cho rằng, việc tiếp cận với văn bản pháp luật là khó hoặc không thể. Điều này đã ảnh hưởng đến sự hiểu biết của người quản lý doanh nghiệp về hệ thống pháp luật kinh doanh của nhà nước ta và do đó, cũng gây khó khăn cho họ trong việc thực thi pháp luật.

***\* Về phía Nhà nước:***

- Việc thực thi pháp luật của các doanh nghiệp gặp khó một phần cũng do một số nguyên nhân từ phía Nhà nước.

- Nhiều cơ quan quản lý nhà nước chưa thực sự quan tâm đến việc thông tin, hướng dẫn, tổ chức thi hành pháp luật cho doanh nghiệp. Rất nhiều các thông tư, nghị định, quy định được nhà nước ban hành nhưng trên thực tế hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước trong lĩnh vực này được đánh giá là còn nhiều bất cập. Các doanh nghiệp nhỏ và vừa, nhất là tại các địa bàn nông thôn, miền núi, vùng sâu, vùng xa gặp nhiều khó khăn trong tiếp cận với pháp luật, thông tin pháp luật và thực thi pháp luật

- Nhiều thắc mắc của doanh nghiệp về nội dung các quy định pháp luật và việc áp dụng pháp luật chưa được các cơ quan Nhà nước có trách nhiệm giải đáp kịp thời, do đó, cũng làm cho việc thực thi pháp luật của doanh nghiệp gặp khó khăn. Thời gian qua, tình trạng doanh nghiệp yêu cầu cơ quan quản lý nhà nước giải đáp pháp luật nhưng không nhận được trả lời, hoặc trả lời không kịp thời còn phổ biến. Những bất cập này đã không tạo thuận lợi cho doanh nghiệp thực hiện tốt pháp luật nhằm giảm thiểu rủi ro và kinh doanh có hiệu quả.

Tóm lại, các nguyên nhân từ hai phía được nêu và phân tích trên đây đã làm cho việc nắm bắt và việc thực thi pháp luật của doanh nghiệp trở nên kém hiệu quả. Pháp luật được ban hành nhưng chưa được tổ chức thi hành tốt đã ảnh hưởng tới việc xây dựng môi trường kinh doanh, đầu tư thuận lợi, không đáp ứng được

yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Đối với doanh nghiệp, cùng với những hạn chế về vốn, công nghệ, kinh nghiệm, thị trường..., việc hiểu biết pháp luật hạn chế đã làm cho năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp Việt Nam đã thấp lại càng thấp hơn, gây bất lợi cho doanh nghiệp nước ta trong hội nhập kinh tế quốc tế hiện nay. Vì vậy, sự hỗ trợ về mặt pháp lý cho các doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa là một việc làm rất cần thiết trong giai đoạn hiện nay. Hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa (trong đó có một phần là hỗ trợ thông tin pháp lý, hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp, hỗ trợ tư vấn pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa) đã được nhiều quốc gia trên thế giới Luật hóa nhằm thúc đẩy doanh nghiệp đổi mới, sáng tạo, phát triển, hạn chế rủi ro pháp lý trong kinh doanh và cạnh tranh bình đẳng với các doanh nghiệp trong và ngoài nước, đóng góp vào sự phát triển của nền kinh tế. Tại Hàn Quốc, việc bảo vệ và phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa đã được ghi nhận trong Hiến pháp.

### ***1.2.2. Vai trò của việc hỗ trợ pháp lý đối với DNVVN***

Các doanh nghiệp vừa và nhỏ khi tham gia vào các hoạt động sản xuất, kinh doanh thì được Nhà nước hỗ trợ. Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2017 quy định các hình thức hỗ trợ của Nhà nước đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa, bao gồm: (1) hỗ trợ tiếp cận tín dụng; (2) hỗ trợ thuế, kế toán; (3) hỗ trợ mặt bằng sản xuất; (4) hỗ trợ công nghệ; (5) hỗ trợ mở rộng thị trường; (6) hỗ trợ thông tin, tư vấn và pháp lý; và (7) hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực. Hỗ trợ pháp lý được Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2017 dành riêng một điều là Điều 14 và đã được cụ thể hóa tại Nghị định số 55/2019/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn khác có liên quan.

Như trên đã trình bày, Nhà nước thực hiện sự hỗ trợ của mình đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa thông qua nhiều hình thức khác nhau như hỗ trợ về thuế, mặt bằng sản xuất, về tín dụng, về nguồn nhân lực... Các hoạt động hỗ trợ này muốn được thực hiện đều phải được pháp luật hóa, tức là phải được pháp luật quy định một cách chặt chẽ, đầy đủ về hình thức, nội dung, trình tự, thủ tục thực hiện (triển khai) các hoạt động hỗ trợ này trên thực tế. Nói cách khác, không có pháp luật thì



các hình thức hỗ trợ mà Nhà nước cam kết thực hiện (áp dụng) đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa đều không thể thực hiện được.

Đối với hỗ trợ pháp lý cũng vậy, Nhà nước phải ban hành pháp luật để quy định mọi vấn đề liên quan đến hình thức hỗ trợ quan trọng này, từ đối tượng được hỗ trợ pháp luật, nội dung, hình thức, phương thức trợ giúp pháp lý, mức độ trợ giúp, trách nhiệm của các chủ thể có liên quan đến hoạt động trợ giúp, chế tài do vi phạm nghĩa vụ này... tất cả các quy định đó tạo thành pháp luật về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa. Đây là một bộ phận quan trọng không thể thiếu của pháp luật về hỗ trợ cho doanh nghiệp nhỏ và vừa nói chung. Vậy thì vai trò của việc hoạt động hỗ trợ pháp lý được thể hiện qua những điều sau đây:

*Thứ nhất*, hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp góp phần nâng cao nhận thức về vai trò và tác dụng của pháp luật, qua đó tạo lập thói quen tôn trọng và tuân thủ pháp luật của doanh nghiệp. Đa số doanh nghiệp, nhất là các doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp khởi nghiệp, sáng tạo hiện nay tham gia vào thương trường không chỉ với nguồn lực, công nghệ yếu kém mà còn với kiến thức pháp luật hạn chế. Vì vậy, hơn ai hết, các doanh nghiệp này rất cần nhận được sự hỗ trợ về mọi mặt của Nhà nước, trong đó có sự hỗ trợ về mặt pháp lý. Thông qua các hình thức hỗ trợ pháp lý, đặc biệt là các chương trình hỗ trợ pháp lý liên ngành, các doanh nghiệp sẽ biết được tác dụng to lớn của pháp luật đối với hoạt động sản xuất – kinh doanh của mình và chính vì vậy, nhận thức được vai trò, ý nghĩa to lớn này của pháp luật mà doanh nghiệp sẽ quan tâm nghiên cứu, nắm bắt pháp luật đồng thời tạo lập cho mình thói quen và ý thức tuân thủ pháp luật. Tóm lại, tác dụng đầu tiên của hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp là góp phần nâng cao tri thức pháp lý (kiến thức pháp lý) cho các doanh nghiệp.

*Thứ hai*, hoạt động hỗ trợ pháp lý tạo lập các điều kiện cần thiết phục vụ hoạt động thực thi pháp luật để giúp doanh nghiệp kinh doanh có hiệu quả. Thông qua các hình thức, nội dung hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp, hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp sẽ nâng cao kiến thức pháp luật cho doanh nghiệp, giúp các doanh nghiệp có đủ năng lực để sử dụng pháp luật như một công cụ pháp lý

quan trọng và hiệu quả trong việc giải quyết các vấn đề phát sinh mà doanh nghiệp gặp phải trong hoạt động sản xuất – kinh doanh của mình.

*Thứ ba*, hoạt động hỗ trợ pháp lý giúp phòng chống rủi ro pháp lý và tăng cường năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp. Việc các doanh nghiệp phải tự nâng cao năng lực cạnh tranh là chuyện bình thường vì nếu doanh nghiệp không thích ứng được với những thay đổi của mô hình tăng trưởng mới, không đáp ứng được yêu cầu phát triển mới thì khó tránh khỏi bị phá sản. Đây chính là lúc tốt nhất để loại bỏ những doanh nghiệp không còn phù hợp với nền kinh tế mới. Tuy nhiên, nguyên nhân khiến doanh nghiệp gặp khó khăn hoặc phá sản nhiều khi lại do nhận thức chưa được hoặc chưa nắm vững các quy định pháp luật có liên quan. Vì vậy, Nhà nước cần phải có các biện pháp để nhanh chóng tháo gỡ các vướng mắc về pháp lý mà doanh nghiệp có thể gặp phải trong quá trình hoạt động, qua đó, không chỉ góp phần nâng cao nhận thức pháp lý của doanh nghiệp mà còn tăng cường được năng lực cạnh tranh, hạn chế các rủi ro pháp lý trong quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

*Thứ tư*, hoạt động hỗ trợ pháp lý góp phần nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước bằng pháp luật đối với doanh nghiệp. Việc hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp không chỉ có ích cho doanh nghiệp. Ở một mức độ nhất định, công tác này còn có tác dụng đối với Nhà nước. Thông qua công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhất là các hoạt động đối thoại với doanh nghiệp, các cơ quan nhà nước nắm được “tâm tư, nguyện vọng”, đặc biệt là tiếp nhận được một cách kịp thời, đầy đủ các kiến nghị của doanh nghiệp về xây dựng và hoàn thiện pháp luật đối với doanh nghiệp, góp phần nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước bằng pháp luật đối với doanh nghiệp.

### ***1.2.3. Nguyên tắc, nội dung hỗ trợ pháp lý đối với DNVTN***

Hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp là việc các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền thực hiện miễn phí các hoạt động do pháp luật quy định nhằm nâng cao tri thức pháp luật và ý thức tôn trọng, chấp hành pháp luật của doanh nghiệp, góp phần bảo đảm nguyên tắc bình đẳng trong kinh doanh, phòng ngừa, hạn chế

tranh chấp và nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Để đảm bảo tính hiệu quả của hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, hoạt động này phải được thực hiện trên cơ sở các nguyên tắc cơ bản như sau:

*Một là*, các biện pháp hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp cần bảo đảm nguyên tắc Nhà nước không làm thay công việc của doanh nghiệp, mặt khác cũng phải bảo đảm việc hỗ trợ của Nhà nước không làm hạn chế sự phát triển của thị trường dịch vụ tư vấn pháp lý nói chung và thị trường dịch vụ tư vấn pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa nói riêng; Các biện pháp hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp của Nhà nước trên được thực hiện trên cơ sở nguyên tắc của hoạt động thương mại, nhất là trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế.

*Hai là*, các biện pháp hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp được quy định trên cơ sở có tính đến điều kiện kinh tế, xã hội cụ thể của từng ngành, từng địa phương trong từng thời kỳ; bảo đảm sự hài hòa giữa trách nhiệm hỗ trợ với nguồn lực thực tế về tài chính, nhân sự của các cơ quan quản lý nhà nước ở Trung ương và địa phương.

*Ba là*, các chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp cần lấy đối tượng doanh nghiệp nhỏ và vừa làm trung tâm. Nguyên tắc này được xuất phát từ một thực tế là doanh nghiệp nhỏ và vừa chính là lực lượng chiếm số đông trong số lượng doanh nghiệp đăng ký và đang là lực lượng đang gặp nhiều khó khăn, hạn chế nhất trong việc tiếp cận pháp luật nói chung và pháp luật về kinh doanh nói riêng.

kết hợp một cách hài hòa, trách nhiệm của Nhà nước với việc huy động tiềm lực của các lực lượng ngoài nhà nước, nhất là các tổ chức đại diện cho doanh nghiệp trong công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp.

Hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp phải được xác định là một nhiệm vụ, chức năng cơ bản của Nhà nước. Chính vì vậy, Nhà nước phải là nhân vật chính, nhân vật trung tâm, có vai trò chủ đạo trong hoạt động hỗ trợ nói chung cho doanh nghiệp nhỏ và vừa và hỗ trợ pháp lý nói riêng đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa. Tuy nhiên, điều đó không có nghĩa là Nhà nước là chủ thể duy nhất

có trách nhiệm hỗ trợ cho doanh nghiệp nhỏ và vừa. Để đảm bảo hoạt động hỗ trợ thực sự có hiệu quả cần phát huy sức mạnh, tiềm năng của các lực lượng khác, nhất là của các tổ chức đại diện cho doanh nghiệp.

#### ***1.2.4. Phương thức hỗ trợ pháp lý cho DNVVN***

Hỗ trợ pháp lý là hoạt động do Nhà nước cung cấp một cách miễn phí cho những đối tượng yếu thế trong xã hội hoặc có công với cách mạng được xác định cụ thể trong Luật nhằm góp phần bảo đảm công bằng xã hội trong việc tiếp cận công lý. Hỗ trợ pháp lý là một nội dung của chính sách an sinh xã hội, được thực hiện nhằm giúp đỡ các đối tượng đặc biệt trong xã hội. Vậy thì phương thức hỗ trợ pháp lý theo quy định tại khoản 2 Điều 10 Nghị định 80/2020/NĐ-CP bao gồm:

- Hoạt động cung cấp thông tin; bao gồm thông tin pháp luật trong nước; thông tin pháp luật nước ngoài, pháp luật quốc tế; cảnh báo rủi ro pháp lý và chính sách của ngành, lĩnh vực, địa phương liên quan đến doanh nghiệp nhỏ và vừa (nếu có).

- Hoạt động bồi dưỡng kiến thức pháp luật; bao gồm bồi dưỡng kiến thức pháp luật cho doanh nghiệp nhỏ và vừa; bồi dưỡng kiến thức pháp luật cho người làm công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa; và bồi dưỡng kiến thức pháp luật cho mạng lưới tư vấn viên pháp luật.

- Hoạt động tư vấn pháp luật. Bao gồm đối thoại, giải quyết các vướng mắc pháp lý cho doanh nghiệp; và các hoạt động tư vấn pháp luật khác phù hợp với các quy định của pháp luật trên cơ sở nhu cầu của doanh nghiệp nhỏ và vừa; và nguồn lực theo quy định.

### **1.3. Pháp luật về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp của một số nước và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam**

Hỗ trợ DNVVN là một vấn đề không mới ở bình diện quốc tế. Nhiều quốc gia trên thế giới đã và đang có nhiều chính sách pháp luật để hỗ trợ DNVVN. Trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghệ 4.0, chính sách hỗ trợ DNVVN thường được gắn với chính sách thúc đẩy khởi nghiệp sáng tạo.

### ***1.3.1. Pháp luật hỗ trợ DNVVN tại Mỹ***

Có thể nói, Mỹ là quốc gia khởi đầu về luật hóa chính sách hỗ trợ DNVVN. Luật Hỗ trợ DNVVN của Mỹ (Small business administration) lần đầu tiên được ban hành vào năm 1953 với mục đích hỗ trợ và bảo hộ mức cao nhất có thể quyền lợi của các DNVVN và đảm bảo đối xử công bằng với các doanh nghiệp lớn trong việc tiếp cận các nguồn lực của Chính phủ. Luật này cũng quy định thành lập cơ quan hỗ trợ DNVVN của Mỹ (Small business administration) để thực hiện các hoạt động hỗ trợ DNVVN. Hoạt động chủ yếu của SBA là thực hiện các chương trình hỗ trợ tài chính, cung cấp các khoản vay. SBA không cung cấp các khoản vay trực tiếp cho DNVVN mà thông qua cơ chế bảo lãnh một phần hoặc thông qua hệ thống ngân hàng theo quy định. Ngoài ra, các khoản vay của DNVVN có thể được SBA gia hạn theo chương trình hỗ trợ cho vay dài hạn. SBA còn thực hiện các chương trình cho vay mua tài sản cố định, cho vay tài chính vi mô, chương trình hỗ trợ tài chính do thảm họa. SBA cũng thực hiện các chương trình phát triển DNVVN như tạo kênh thông tin tương tác DNVVN và Chính phủ thông qua mạng lưới 900 trung tâm hỗ trợ phát triển DNVVN để kết nối khách hàng có nhu cầu tiếp cận hỗ trợ tài chính.

### ***1.3.2. Pháp luật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Western Balkans và Thổ Nhĩ Kỳ***

Kể từ cuối năm 2016, chính sách đổi mới nền kinh tế Western Balkans và Thổ Nhĩ Kỳ thay đổi rất ít. Thực tế, tiếp cận tài chính là một trong những trở ngại đáng kể đối với các DNVVN ở Western Balkans và Thổ Nhĩ Kỳ. DNVVN ở đây đa số tăng trưởng cao, đặc biệt là các DNVVN mới thành lập nhưng bị ảnh hưởng không nhỏ bởi các hạn chế về tài trợ, nguyên nhân chủ yếu là do DNVVN có ít tài sản hữu hình cũng như tài sản thế chấp. Trong khi ngân hàng địa phương tiếp tục áp đặt các yêu cầu cao đối với lịch sử tín dụng và tài sản thế chấp thì các chương trình hỗ trợ tài chính của khu vực công giúp lấp đầy khoảng trống tài chính cho các DNVVN đổi mới. Chính phủ ở đây đặc biệt chú trọng vào vấn đề nghiên cứu và phát triển (R&D), các biện pháp chính sách hỗ trợ các doanh nghiệp đầu tư vào R&D thể hiện

ở nhiều dạng khác nhau, điển hình là hình thức hỗ trợ tài chính trực tiếp và hỗ trợ tài chính gián tiếp.

Hỗ trợ tài chính trực tiếp có thể bao gồm các khoản tài trợ, các khoản vay được trợ cấp, bảo lãnh cho vay hoặc đầu tư mạo hiểm tiên phong. Bên cạnh đó, Chính phủ có thể cung cấp hỗ trợ tài chính gián tiếp cho DNVVN dưới hình thức khuyến khích tài khóa, chẳng hạn như giảm thuế và tín dụng cho chi tiêu R&D, hoặc mua thiết bị sáng tạo. Các hình thức hỗ trợ tài chính gián tiếp khác bao gồm các công cụ theo yêu cầu như nhân mạnh đổi mới trong mua sắm công, vừa có thể kích thích các công ty đổi mới để cung cấp các dịch vụ được yêu cầu và khuyến khích sử dụng sớm các đổi mới được thương mại hóa.

Kinh nghiệm của các nước thuộc Tổ chức Hợp tác và Phát triển kinh tế (OECD) cho thấy rằng, tài trợ trực tiếp cho các DNVVN không phải là công cụ chính sách duy nhất có sẵn để thúc đẩy đổi mới các doanh nghiệp. Nhằm mục đích kích thích R&D kinh doanh, họ sử dụng kết hợp các công cụ bao gồm cả chương trình tài trợ trực tiếp và ưu đãi thuế. Do sự phụ thuộc quá mức vào tài trợ trực tiếp ở Western Balkan, các nhà hoạch định chính sách đang dần đa dạng hóa các công cụ chính sách của mình và sử dụng nhiều ưu đãi thuế hơn như các nước OECD thực hiện.

Về các ưu đãi thuế của Western Balkans và Thổ Nhĩ Kỳ cho DNVVN, ngày 01/3/2016, Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ đã giới thiệu gói hỗ trợ rộng rãi cho các hoạt động liên quan đến R&D đổi mới trong nỗ lực nước này muốn trở thành một nền kinh tế công nghệ cao, theo định hướng đổi mới. Gói cải cách R&D đổi mới được Thủ tướng công bố lần đầu tiên vào tháng 01/2016 với mục đích tăng khả năng cạnh tranh của các ngành công nghiệp quan trọng, tăng cường hợp tác công nghiệp đại học và tăng chi tiêu R&D.

Một trong những nội dung của gói hỗ trợ này là gói trợ cấp có sẵn đến ngày 31/12/2023 cho các công ty thực hiện hoạt động R&D và thiết kế đủ điều kiện. Khoản trợ cấp này bằng 100% chi phí R&D, chi phí thiết kế và ngoài khoản khấu trừ cho khoản chi này trong các tài khoản theo luật định. Hơn nữa, 80% thuế thu

nhập đối với tiền lương của nhân viên R&D và nhân viên thiết kế được miễn, nếu nhân viên có bằng tiến sĩ hoặc thạc sĩ thì được miễn 90% thuế thu nhập. Tuy nhiên, để đủ điều kiện nhận các lợi ích, trung tâm R&D và thiết kế phải có ít nhất 15 nhân viên R&D toàn thời gian và 10 nhân viên trung tâm thiết kế toàn thời gian.

### **1.3.3. Pháp luật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Hàn Quốc**

Hàn Quốc học tập một số nước trên thế giới và Luật khung về hỗ trợ DNVVN (Framework act on small and medium enterprises) đã được Chính phủ Hàn Quốc ban hành vào năm 1966 nhằm hỗ trợ và bảo vệ DNVVN trong bối cảnh các doanh nghiệp lớn phát triển mạnh, lấn át khu vực DNVVN do kết quả của chính sách hướng về xuất khẩu. Cũng giống như Nhật Bản, các chính sách hỗ trợ DNVVN của Hàn Quốc lần lượt ra đời với mục đích hỗ trợ và phát triển DNVVN, như: Luật Hỗ trợ cho DNVVN thành lập, Luật Hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực cho DNVVN, Luật Về các quy định cho DNVVN trong các khu kinh tế, Luật Các cơ chế đặc thù hỗ trợ các DNVVN thương mại, Luật Xúc tiến đổi mới sáng tạo DNVVN, Luật Thúc đẩy mua sắm công cho DNVVN, Luật Khuyến khích đổi mới công nghệ của DNVVN, Luật Thúc đẩy liên kết giữa DNVVN và doanh nghiệp lớn, Luật về Các biện pháp đặc biệt để phát triển doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ,...

Tuy được quy định độc lập ở từng văn bản quy phạm pháp luật khác nhau nhưng giữa chúng có một mối liên hệ chặt chẽ, bổ trợ nhau và không thể tách rời. Hơn nữa, các chính sách hỗ trợ DNVVN được quy định nhất quán, thống nhất và phù hợp với các quy định hiện hành tại các đạo luật cơ bản như Luật Doanh nghiệp, Đạo luật Thuế, ...

Nhằm hỗ trợ cho các hoạt động thương mại, giao dịch hàng hóa của các DNVVN phải kể đến Luật về Hỗ trợ mua bán cho DNVVN - Hàng hóa sản xuất và hỗ trợ phát triển thị trường sửa đổi, bổ sung năm 2011 (Act on Facilitation of Purchase of Small and Medium Enterprises - Manufactured Products and Support for Development of their Markets). Đạo luật này xuất hiện giúp DNVVN hoạt động trong một số ngành nghề công nghiệp sẽ có được nhiều lợi thế hơn trong việc ký kết và thực hiện hợp đồng. Cụ thể, đối với các dự án xây dựng của quốc gia, DNVVN

sẽ được ưu tiên ký kết hợp đồng mua bán nguyên liệu, vật tư liên quan đến các dự án nếu đáp ứng đủ các điều kiện về chất lượng hàng hóa, sản phẩm quy định tại Điều 4.

Ngoài ra, đối với các sản phẩm công nghệ do các DNVVN là chủ sản xuất, chính phủ Hàn Quốc đưa ra chính sách hỗ trợ thông qua việc chỉ định một số tổ chức, cơ quan sẽ ưu tiên mua hàng hóa trong lĩnh vực công nghệ do các DNVVN sản xuất. Chủ tịch Cơ quan quản lý DNVVN chịu trách nhiệm yêu cầu các cơ quan, tổ chức, cơ sở sản xuất thực hiện việc mua hàng hóa từ các DNVVN. Các DNVVN chịu trách nhiệm về việc thực hiện nghĩa vụ hợp đồng với các tổ chức công cộng, các doanh nghiệp lớn do luật chỉ định, đảm bảo chất lượng hàng hóa được yêu cầu trong các văn bản pháp luật và trong hợp đồng. (Chương 3 Luật về hỗ trợ mua bán cho DNVVN - Hàng hóa sản xuất và hỗ trợ phát triển thị trường, sửa đổi, bổ sung năm 2011).

Có thể thấy, nội dung quy định không những tạo ra thị trường tiêu thụ cho các sản phẩm của DNVVN mà còn tăng tính cạnh tranh đối với các doanh nghiệp lớn, các doanh nghiệp truyền thống. Thông qua việc đưa ra các chính sách hỗ trợ như ưu tiên mua hàng hóa, ưu tiên ký kết hợp đồng, hay yêu cầu các doanh nghiệp lớn phải mua các sản phẩm sản xuất bởi các DNVVN chứ không được tự sản xuất đã góp phần mở rộng thị trường, tạo điều kiện thuận lợi cho việc giao thương hàng hóa giữa các doanh nghiệp với nhau.

#### **1.3.4. Pháp luật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Malaysia**

Giống như Indonesia, Malaysia cũng có cơ chế Hội đồng phát triển DNVVN Quốc gia (NSDC). Hội đồng này được thành lập năm 2004 và do Thủ tướng đích thân làm Chủ tịch Hội đồng. Mục tiêu chính của Hội đồng nhằm đề điều phối các Bộ, ngành liên quan, các cơ quan hỗ trợ và các chương trình hỗ trợ DNVVN và xây dựng các chính sách và chiến lược phát triển DNVVN.

Bảo lãnh tín dụng là một chính sách quan trọng trong hầu hết các chính sách phát triển kinh tế của Malaysia và được hình thành từ rất sớm, nhằm duy trì sự phát triển bền vững và ở mức độ cao của cộng đồng DNVVN. Hệ thống BLTD được xây



dựng thống nhất từ cấp trung ương đến cấp địa phương, phân chia theo lĩnh vực hoạt động và thực hiện theo 3 mô hình: BLTD của Chính phủ, BLTD của các hiệp hội, BLTD của khu vực tư nhân. Tại Malaysia, DNVVN có thể tiếp cận vốn vay từ 4 quỹ bảo lãnh tín dụng: (1) Tập đoàn bảo lãnh tín dụng Malaysia (CGC) được thành lập từ năm 1972 với số vốn góp từ các ngân hàng thương mại và các công ty tài chính của Chính phủ, (2) Hệ thống bảo lãnh các khoản vay đặc biệt, (3) Hệ thống BLTD cơ bản và (4) Hệ thống BLTD chủ yếu - mới. Ba hệ thống BLTD (2), (3), (4) hoạt động vì mục đích lợi nhuận, do các tổ chức tư nhân thành lập, nhằm đáp ứng nhu cầu đa dạng của các DNVVN với mức phí bảo lãnh cao hơn CGC tùy thuộc thỏa thuận giữa các bên.

Bên cạnh đó, chính phủ Malaysia xây dựng hàng loạt những chương trình hỗ trợ tài chính đa dạng, phù hợp doanh nghiệp từ mọi khu vực kinh tế để tạo môi trường năng động cho DNVVN, như: Chương trình Mobilepreneur khuyến khích giới trẻ khởi nghiệp ở lĩnh vực mới như bán hàng lưu động; chương trình tài chính Ikhtiar với mục tiêu giảm tỷ lệ nghèo ở Malaysia, thông qua hỗ trợ tài chính để trao quyền cho các hộ nghèo kinh doanh nâng cao thu nhập.

#### ***1.3.5. Bài học kinh nghiệm rút ra cho Việt Nam***

Qua nghiên cứu pháp luật một số nước trên thế giới về hỗ trợ DNVVN, dễ dàng nhận thấy DNVVN là trụ cột, xương sống của nền kinh tế, vì vậy, việc hỗ trợ pháp lý cho DNVVN đang là nhu cầu rất cấp thiết. Việc hỗ trợ này đã được ghi nhận qua hệ thống pháp luật, chính sách của Nhà nước, hoạt động của Chính phủ, các tổ chức, ... mỗi quốc gia. Từ kinh nghiệm đã phân tích ở trên, tác giả đưa ra một số khuyến nghị để rút ra bài học cho pháp luật Việt Nam như sau:

Các chính sách pháp luật hỗ trợ DNVVN cần đề cập đến các vấn đề về cải thiện môi trường kinh doanh; hỗ trợ về tài chính, tín dụng; hỗ trợ xúc tiến, mở rộng thị trường; hỗ trợ thông tin và tư vấn; hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực, ... cho DNVVN. Các vấn đề này sẽ giúp cho DNVVN giải quyết được các vấn đề yếu kém cố hữu của mình, đồng thời tạo ra môi trường để giải phóng và kích thích những điểm mạnh của DNVVN như tính sáng tạo, sự phát triển nhanh, có thể khỏa lấp các

thị trường ngách để phát triển, tạo ra động lực cho tăng trưởng kinh tế. Hơn nữa, cần tập trung hỗ trợ một số nội dung như vấn đề hỗ trợ tiếp cận tài chính, tín dụng cho DNVVN, vì DNVVN do hạn chế về quy mô và quản trị luôn không có hoặc rất thiếu vốn để khởi sự và phát triển. Kinh nghiệm quốc tế cũng chỉ ra rằng, hỗ trợ tài chính, tín dụng cho DNVVN là mục tiêu và hoạt động hỗ trợ cơ bản cho DNVVN ở nhiều nước.

*Thứ hai*, đối với bối cảnh hiện nay có nhiều sự thay đổi, hội nhập kinh tế sâu rộng, sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ thông tin đã xóa nhòa khoảng cách địa lý giữa các quốc gia, kích thích đổi mới sáng tạo và tạo ra những cơ chế, luật chơi mới của thị trường kinh tế toàn cầu theo các chuỗi giá trị các chuỗi cung ứng. Điều này đòi hỏi chính sách hỗ trợ DNVVN phải có những nội dung quy định mang tính đón đầu tập trung vào các vấn đề hỗ trợ mới như: đổi mới sáng tạo; khởi nghiệp; hỗ trợ cho các DNVVN tăng cường khả năng tham gia các chuỗi giá trị, hình thành các liên kết mang tính chất cụm, ngành để nâng cao năng lực cạnh tranh doanh nghiệp, gia tăng hàm lượng giá trị gia tăng trong sản phẩm, tạo ra sự phát triển bền vững cho doanh nghiệp, nền kinh tế quốc gia.

*Thứ ba*, cần phát huy vai trò của xã hội, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp thúc đẩy sự phát triển của DNVVN, nâng cao ý thức của cộng đồng xã hội đối với sự phát triển của DNVVN tại Việt Nam. Các Bộ, ngành, địa phương cần đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn và thực hiện Luật Hỗ trợ DNVVN và các Nghị định hướng dẫn; cập nhật, nâng cấp Cổng thông tin quốc gia về hỗ trợ DNVVN để hỗ trợ thông tin cho DNVVN cũng như thúc đẩy khả năng tự thân của mỗi DNVVN. Nắm được những cơ hội, sự trợ giúp về pháp luật cũng như thách thức trong bối cảnh kinh tế toàn cầu, từ đó, bản thân mỗi DNVVN nêu cao ý thức vươn lên, phát huy lợi thế, nâng cao sức cạnh tranh của doanh nghiệp.

## TIỂU KẾT CHƯƠNG 1

Trên cơ sở nội dung về những vấn đề lý luận cơ bản về hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp và pháp luật về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp có thể rút ra được một số nhận định chung như sau:

*Một là*, về bản chất, hỗ trợ nói chung và hỗ trợ pháp lý nói riêng là một dạng dịch vụ công được Nhà nước thực hiện đối với một số doanh nghiệp nhất định (thông thường là doanh nghiệp nhỏ và vừa) nhằm góp phần tạo môi trường kinh doanh bình đẳng giữa các doanh nghiệp với các quy mô khác nhau. Hoạt động này cũng là một hoạt động phản ánh chức năng kinh tế của nhà nước trong nền kinh tế thị trường, đồng thời đây được xác định là một hình thức dịch vụ công của Nhà nước đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa.

*Hai là*, hỗ trợ cho doanh nghiệp (nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp khởi nghiệp, doanh nghiệp sáng sáng tạo), kể cả hỗ trợ pháp lý không mâu thuẫn với nguyên tắc bình đẳng giữa các doanh nghiệp mà trái lại, góp phần thiết lập tình trạng này giữa các doanh nghiệp vốn chênh lệch nhau về quy mô kinh doanh. Chính vì có vai trò quan trọng như vậy nên hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa đã trở thành một chức năng cơ bản của Nhà nước, bất luận chế độ chính trị và trình độ phát triển kinh tế của các nước là rất khác nhau. Đây cũng được coi là “cú hích” của Nhà nước vào thị trường dịch vụ pháp lý cho doanh nghiệp ở Việt Nam, để tạo các sản phẩm tư vấn pháp lý, hỗ trợ pháp lý làm chất “xúc tác” khiến cho nhu cầu cần sử dụng dịch vụ pháp lý sẽ được ưu tiên khi doanh nghiệp thực hiện các hoạt động sản xuất, kinh doanh của mình.

*Ba là*, hỗ trợ pháp lý là công việc mà nhiều nhà nước văn minh phải thực hiện đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa đang hoạt động trong nền kinh tế quốc gia mình. Tuy nhiên, nội dung, hình thức, hiệu quả công tác này ở các nước khác nhau là không thể giống nhau nhau. Những sự khác biệt này không thể tự nhiên mà có mà đã được quy định bởi những điều kiện kinh tế - xã hội, văn hóa, pháp lý khác nhau vốn luôn luôn tồn tại một cách khách quan ở các nước. Nhận thức được điều này không những giúp Nhà nước ta phải luôn tìm tòi, nghiên cứu để học hỏi kinh

nghiệm về phương pháp, cách thức hỗ trợ pháp lý mà các nước khác đang thực hiện mà còn giúp Nhà nước ta không nóng vội, duy ý chí trong việc thực hiện các biện pháp hỗ trợ cho doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Việt Nam.

## **CHƯƠNG 2. THỰC TRẠNG VỀ VIỆC HỖ TRỢ PHÁP LÝ CHO DNVVN Ở VIỆT NAM**

### **2.1. Thực trạng pháp luật hiện hành tại Việt Nam**

Tính đến nay, Việt Nam đã có một hành lang pháp lý tương đối hoàn thiện về hỗ trợ của Nhà nước đối với DNVVN, mà trọng tâm là Luật Hỗ trợ DNVVN năm 2017. Khoản 3 Điều 51 Hiến pháp quy định: “Nhà nước khuyến khích, tạo điều kiện để doanh nhân, doanh nghiệp và cá nhân, tổ chức khác đầu tư, sản xuất, kinh doanh...”. Như vậy, lần đầu tiên trong lịch sử Hiến pháp Việt Nam, dưới doanh nhân và quyền đầu tư, sản xuất, kinh doanh của họ đã được hiến định một cách trang trọng và chính thức. Để góp phần giúp doanh nghiệp thực hiện được quyền của mình, Nhà nước ta đã ban hành nhiều đạo luật, trong đó có Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2017. Tại khoản 3 Điều 14 Luật quy định: “Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan, tổ chức, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, thực hiện các hoạt động sau đây để hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa: a) Xây dựng, quản lý, duy trì, cập nhật, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu về pháp luật; b) Xây dựng và tổ chức thực hiện các chương trình hỗ trợ pháp lý để cung cấp thông tin, bồi dưỡng kiến thức pháp luật, tư vấn pháp luật”. Để triển khai thực hiện nhiệm vụ này, một loạt các văn bản dưới luật đã được ban hành, trong số đó, đáng lưu ý nhất là Nghị định số 55/2019/NĐ-CP ngày 24/6/2019 của Chính phủ về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa (thay thế Nghị định số 66/2008/NĐ-CP ngày 28/5/2008 của Chính phủ về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp) và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn chi tiết thi hành quy định về công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp ở Việt Nam. Chúng ta có thể thấy rằng các quy định về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp đã không ngừng được xây dựng, hoàn thiện, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Về tổng thể, sự hỗ trợ DNVVN của Nhà nước được thực hiện trên cơ sở các đề án hỗ trợ doanh nghiệp nhằm thực hiện mục tiêu hỗ trợ và nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp. Đề án hỗ trợ DNVVN

là tập hợp các hoạt động có liên quan đến nhau, sử dụng các nguồn lực nhằm đạt được mục tiêu hỗ trợ các doanh nghiệp nhỏ và vừa có tiềm năng phát triển trong một hoặc nhiều ngành, lĩnh vực, địa bàn trong một hoặc nhiều giai đoạn.

Để được hưởng chính sách hỗ trợ của Nhà nước, DNVVN cần phải thỏa mãn một số tiêu chí cụ thể. Trước hết, đó phải là doanh nghiệp vừa, doanh nghiệp nhỏ và doanh nghiệp siêu nhỏ theo quy định của pháp luật. Việc xác định DNVVN không chỉ có ý nghĩa để thực hiện các biện pháp pháp hỗ trợ mà còn có ý nghĩa về xác định quy mô doanh nghiệp, về phương diện kế toán doanh nghiệp, v.v... Điều này cho thấy, không phải bất cứ DNVVN nào cũng được áp dụng tất cả các biện pháp hỗ trợ mà còn tùy thuộc vào loại DNVVN, chủ sở hữu loại doanh nghiệp này có đáp ứng được những điều kiện cụ thể để được hưởng hỗ trợ hay không.

Có thể phân chia các biện pháp hỗ trợ DNVVN thành các nhóm chính: (i) chính sách hỗ trợ về tín dụng; (ii) chính sách hỗ trợ về thuế và kế toán; (iii) chính sách hỗ trợ về thông tin, tư vấn và pháp lý; (iv) chính sách hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực; (v) chính sách hỗ trợ mặt bằng sản xuất; (vi) chính sách hỗ trợ về khoa học, công nghệ; và (vii) chính sách hỗ trợ về mở rộng thị trường. Có thể thấy hệ thống các chính sách hỗ trợ DNVVN là tương đối toàn diện, đa dạng, cung cấp những sự trợ giúp cần thiết ở nhiều khâu, nhiều mặt trong hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

### ***2.1.1. Các quy định pháp luật về hỗ trợ tín dụng cho DNVVN***

Trong từng thời kỳ, Chính phủ quyết định chính sách hỗ trợ tổ chức tín dụng tăng dư nợ cho vay đối với DNVVN; khuyến khích tổ chức tín dụng cho vay đối với DNVVN dựa trên xếp hạng tín nhiệm DN và biện pháp phù hợp khác. DNVVN được cơ quan, tổ chức, cá nhân hỗ trợ xây dựng phương án sản xuất, kinh doanh (SXKD) khả thi, tăng cường năng lực quản trị, kỹ năng quản lý, minh bạch hóa tài chính của DN để nâng cao khả năng tiếp cận tín dụng. DNVVN được cấp bảo lãnh tín dụng tại Quỹ bảo lãnh tín dụng DNVVN theo quy định.

Có thể thấy rằng: Mô hình thể chế và hành lang pháp lý về bảo lãnh tín dụng đã từng bước được hoàn thiện. Tuy nhiên, cả hoạt động bảo lãnh tín dụng

qua hệ thống NHPT và các Quỹ bảo lãnh tín dụng địa phương đều chưa hiệu quả, chưa đáp ứng được kỳ vọng của cộng đồng doanh nghiệp. Nguyên nhân của tình trạng này là do quy định còn nhiều vướng mắc gây khó khăn cho việc triển khai bảo lãnh tín dụng cho DNVVN.

Quy định của pháp luật về hỗ trợ DNVVN đã thể hiện nhiều điểm tiến bộ so với các quy định trước đây về hỗ trợ tín dụng cho các DNVVN. Tuy nhiên, từ thực tiễn cũng có thể nhận thấy nhiều quy định chưa thực sự minh bạch, thống nhất, dẫn đến sự cản trở phát triển của DNVVN:

- Thứ nhất, vay vốn tại ngân hàng đòi hỏi nhiều thủ tục, tiêu tốn thời gian, công sức, chi phí và thậm chí vượt quá năng lực của DNVVN, chẳng hạn như các quy định về yêu cầu phương án sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, trong khi đây là điểm yếu của DNVVN. Bên cạnh đó, thủ tục hành chính còn phức tạp, gây phiền hà cho doanh nghiệp trong quá trình hoạt động kinh doanh như: thủ tục đất đai, giải phóng mặt bằng, BHXH, đăng ký kinh doanh/đầu tư...

- Thứ hai, yêu cầu về tài sản thế chấp cho các khoản vay hay hạn mức tín dụng của doanh nghiệp. Nhiều DNVVN có tài sản nhưng không có đủ giấy tờ hợp pháp, hợp lệ để làm các thủ tục thế chấp như: doanh nghiệp được giao đất sử dụng nhưng chưa được cấp giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất, hay doanh nghiệp có hợp đồng thuê đất trả tiền hàng năm nhưng lại không được thế chấp đất đai để vay vốn ngân hàng... Bên cạnh đó, một số tài sản vô hình của DN chưa có cơ chế/hướng dẫn cụ thể cho phép được sử dụng làm tài sản thế chấp vay vốn ngân hàng như: Nhãn hiệu doanh nghiệp, tài sản sở hữu trí tuệ...

- Thứ ba, bất bình đẳng trong cạnh tranh, hỗ trợ giữa DNVVN với doanh nghiệp nhà nước. Tỷ lệ tín dụng của khu vực doanh nghiệp nhà nước và khách hàng cá nhân chiếm tỷ trọng cao, lấn át khu vực doanh nghiệp tư nhân. Các doanh nghiệp nhà nước thường dễ tiếp cận vốn hơn, do được Nhà nước bảo lãnh, dễ tiếp cận tín dụng ưu đãi và đất đai hơn, trong khi đó, nhiều doanh nghiệp nhà nước lại làm ăn kém hiệu quả.

- Thứ tư, một số quy định hiện nay về mức hỗ trợ vẫn bộc lộ bất cập. Cụ thể, tại Nghị định số 39/2018/NĐ-CP có quy định về hỗ trợ cho hình thức tổ chức kinh doanh chuyển đổi từ hộ kinh doanh nhưng chưa có quy định riêng, tách bạch riêng về mức hỗ trợ riêng đối với từng hình thức tổ chức kinh doanh khác nhau do chuyển đổi từ hộ kinh doanh. Vì vậy, khi áp dụng trên thực tế có thể dẫn đến việc áp dụng các mức hỗ trợ ở từng địa phương, lĩnh vực hoặc hình thức tổ chức kinh doanh khác nhau, không đảm bảo sự thống nhất, đồng bộ.

### ***2.1.2. Các quy định pháp luật về hỗ trợ về thuế và kế toán cho DNVVN***

Bên cạnh hỗ trợ về vốn và tín dụng, Nhà nước cũng quan tâm hỗ trợ về chính sách thuế và kế toán, để giảm những áp lực và chi phí tuân thủ pháp luật cho doanh nghiệp. DNVVN được áp dụng có thời hạn mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp thấp hơn mức thuế suất thông thường áp dụng cho doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp. Việc áp dụng thuế, kế toán thực hiện tùy thuộc vào doanh nghiệp siêu nhỏ, doanh nghiệp nhỏ và doanh nghiệp vừa. Quy định như vậy phù hợp và thuận lợi hơn đối với từng loại doanh nghiệp.

Tại Việt Nam, trên cơ sở thi hành các quy định của Luật Hỗ trợ DNVVN năm 2017, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 132/2018/TT-BTC ngày 28/12/2018 hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp siêu nhỏ. Thông tư 132/2018/TT-BTC có hai điểm mới đáng quan tâm, được đánh giá là cởi mở hơn về kế toán cho doanh nghiệp siêu nhỏ, đó là:

- Thứ nhất, doanh nghiệp siêu nhỏ nộp thuế tính theo tỷ lệ phần trăm trên doanh thu không bắt buộc phải mở các tài khoản kế toán mà chỉ ghi trên sổ kế toán để theo dõi doanh thu, thuế phải nộp, tiền lương và các khoản trích theo lương, v.v... phục vụ cho việc xác định nghĩa vụ thuế. Doanh nghiệp siêu nhỏ có thể tự tổ chức thực hiện công tác kế toán và không bắt buộc phải lập báo cáo tài chính.

- Thứ hai, doanh nghiệp siêu nhỏ chỉ cần bố trí người phụ trách kế toán, không bắt buộc phải bố trí kế toán trưởng. Doanh nghiệp siêu nhỏ được ký hợp



đồng với đơn vị kinh doanh dịch vụ kế toán để thuê dịch vụ làm kế toán hoặc dịch vụ làm kế toán trưởng.

Rõ ràng đây là những điểm rất tiên bộ về chế độ kế toán từ xưa đến nay. Tuy nhiên, đối tượng áp dụng lại quá hẹp: chỉ áp dụng cho doanh nghiệp siêu nhỏ. Trong tương lai, những điểm mới mang tính tiên bộ cần phải được nhà nước chúng ta mở rộng áp dụng cho cả các doanh nghiệp nhỏ và vừa (nói chung), chứ không nên dừng lại ở doanh nghiệp siêu nhỏ.

### ***2.1.3. Các quy định pháp luật về hỗ trợ thông tin, tư vấn và pháp lý cho DNVVN***

Ở Việt Nam chúng ta hiện nay có 2 hình thức chủ yếu đó là:

- Thứ nhất, hỗ trợ thông tin cho DNVVN. Các thông tin được công bố trên Cổng thông tin quốc gia hỗ trợ DNVVN, trang thông tin điện tử của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp như: thông tin về kế hoạch, chương trình, dự án, hoạt động hỗ trợ DNVVN; thông tin chỉ dẫn kinh doanh; thông tin về tín dụng, thị trường, sản phẩm, công nghệ, ...

- Thứ hai, hỗ trợ tư vấn, pháp lý cho DNVVN. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, xây dựng mạng lưới tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ tư vấn cho DNVVN (sau đây gọi là mạng lưới tư vấn viên). DNVVN được miễn, giảm chi phí tư vấn khi sử dụng dịch vụ tư vấn thuộc mạng lưới tư vấn viên. DNVVN tiếp cận mạng lưới tư vấn viên trên Cổng thông tin quốc gia hỗ trợ DNVVN, trang thông tin điện tử của các bộ, cơ quan ngang bộ để lựa chọn tư vấn viên hoặc tổ chức tư vấn và dịch vụ tư vấn phù hợp nhu cầu của doanh nghiệp.

Theo Nghị định số 55/2019/NĐ-CP, các Bộ, cơ quan ngang bộ, UBND cấp tỉnh có trách nhiệm trả lời đối với vướng mắc pháp lý cho DNVVN trong áp dụng chung về pháp luật trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp vướng mắc liên quan hoạt động sản xuất, kinh doanh cụ thể của doanh nghiệp, các đơn vị có thể sử dụng mạng lưới tư vấn viên pháp luật theo lĩnh

vực quản lý của Bộ, cơ quan ngang Bộ thông qua danh sách được đăng tải trên Cổng thông tin của Bộ, cơ quan ngang Bộ đó. Bên cạnh đó, ngày 21/8/2019, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 54/2019/TT-BTC hướng dẫn quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách Nhà nước hỗ trợ DNVTN sử dụng dịch vụ tư vấn thuộc mạng lưới tư vấn viên. Theo đó, khi sử dụng dịch vụ tư vấn thuộc mạng lưới tư vấn viên thì DNVTN được vừa chuyển đổi từ hộ kinh doanh, doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo, tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị. Nếu trong năm DNVTN đã sử dụng dịch vụ này và được hỗ trợ nhưng giá trị hỗ trợ chưa quá mức nêu trên thì cũng chỉ được hỗ trợ phần còn lại. Trường hợp có sự điều chỉnh về giá trị hợp đồng tư vấn dẫn đến thấp hơn số tiền theo quyết định hỗ trợ hoặc vượt quá tỷ lệ quy định thì DNVTN báo cáo đơn vị hỗ trợ để xác định lại số tiền theo giá trị hợp đồng tư vấn đã điều chỉnh, đảm bảo tỷ lệ hỗ trợ theo đúng tiêu chuẩn... Nhà nước hỗ trợ với mức: 100% giá trị hợp đồng tư vấn nhưng không quá 03 triệu đồng/năm nếu là doanh nghiệp siêu nhỏ; 30% giá trị hợp đồng tư vấn nhưng không quá 05 triệu đồng/năm nếu là doanh nghiệp nhỏ; 10% giá trị hợp đồng tư vấn nhưng không quá 10 triệu đồng/năm nếu là doanh nghiệp vừa. Đồng thời, áp dụng các trường hợp miễn hoặc giảm phí tư vấn theo từng vụ việc nếu doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi từ hộ kinh doanh, doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo, tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị. Nếu trong năm DNVTN đã sử dụng dịch vụ này và được hỗ trợ nhưng giá trị hỗ trợ chưa quá mức nêu trên thì cũng chỉ được hỗ trợ phần còn lại. Trường hợp có sự điều chỉnh về giá trị hợp đồng tư vấn dẫn đến thấp hơn số tiền theo quyết định hỗ trợ hoặc vượt quá tỷ lệ quy định thì DNVTN báo cáo đơn vị hỗ trợ để xác định lại số tiền theo giá trị hợp đồng tư vấn đã điều chỉnh, đảm bảo tỷ lệ hỗ trợ theo đúng tiêu chuẩn...

Tuy nhiên, thực tế cho thấy, để đáp ứng yêu cầu, không ít doanh nghiệp phải tự mò mẫm, chủ động tìm kiếm văn bản luật liên quan từ nhiều nguồn khác nhau. Trong đó, dễ thấy nhất là các doanh nghiệp thường tiếp cận thông tin pháp luật qua cổng, trang thông tin điện tử của các cơ quan nhà nước. Tuy nhiên, các trang này không phải lúc nào, hay ở đâu cũng hoạt động hiệu quả hoặc đáp ứng

hết yêu cầu doanh nghiệp. Chưa kể, một số cơ quan chức năng khi được doanh nghiệp "nhờ cậy" giải đáp pháp luật cũng chưa làm tròn trách nhiệm của mình. Ở chiều ngược lại, bản thân các DNVVN cũng có nhiều hạn chế. Cụ thể là phần lớn doanh nghiệp bố trí nhân sự triển khai công tác pháp luật theo chế độ kiêm nhiệm; nhiều doanh nghiệp phát triển từ mô hình sản xuất nhỏ, thường làm việc theo thói quen, nên chưa nhận thức hết vai trò quan trọng của pháp luật trong sản xuất, kinh doanh...

#### ***2.1.4. Các quy định pháp luật về hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực cho DNVVN***

Hiện nay, ở tại Việt Nam DNVVN được miễn, giảm chi phí tham gia các khóa đào tạo có sử dụng ngân sách nhà nước về khởi sự KD và quản trị DN, đào tạo nghề cho lao động làm việc trong các DNVVN. Nhà nước tổ chức thực hiện các chương trình đào tạo trực tuyến, chương trình đào tạo trên các phương tiện thông tin đại chúng cho DNVVN; hỗ trợ hoạt động đào tạo trực tiếp tại DNVVN trong lĩnh vực SX, chế biến.

#### ***2.1.5. Các quy định pháp luật về hỗ trợ mặt bằng sản xuất cho DNVVN***

Căn cứ điều kiện quỹ đất thực tế tại địa phương, điều kiện ngân sách địa phương UBND cấp tỉnh trình HĐND cùng cấp quyết định: bố trí quỹ đất để hình thành, phát triển cụm công nghiệp; khu chế biến nông sản, lâm sản, thủy sản, hải sản tập trung cho DNVVN phù hợp với quy hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt; hỗ trợ giá thuê mặt bằng cho DNVVN tại các khu công nghiệp, khu công nghệ cao, cụm công nghiệp trên địa bàn. Thời gian hỗ trợ tối đa là 05 năm kể từ ngày ký hợp đồng thuê mặt bằng. Việc hỗ trợ mặt bằng sản xuất quy định trên không áp dụng đối với DNVVN có vốn đầu tư nước ngoài, DNVVN có vốn nhà nước.

#### ***2.1.6. Các quy định pháp luật về khoa học, công nghệ cho DNVVN***

Nhà nước có chính sách hỗ trợ DNVVN nghiên cứu, đổi mới công nghệ, tiếp nhận, cải tiến, hoàn thiện, làm chủ công nghệ thông qua các hoạt động nghiên cứu, đào tạo, tư vấn, tìm kiếm, giải mã, chuyển giao công nghệ; xác lập, khai thác, quản lý, bảo vệ và phát triển tài sản trí tuệ của DN. Cơ sở ươm tạo, cơ sở kỹ thuật,

khu làm việc chung được hưởng các hỗ trợ như: miễn, giảm tiền thuê đất, tiền sử dụng đất, thuế sử dụng đất phi nông nghiệp theo pháp luật; miễn, giảm thuế TNDN có thời hạn theo quy định của pháp luật về thuế TNDN.

#### ***2.1.7. Các quy định pháp luật về hỗ trợ mở rộng thị trường cho DNVVN***

Việc mở rộng thị trường cho DNVVN trên cơ sở thành lập hoặc tham gia thành lập các chuỗi phân phối sản phẩm. Chuỗi phân phối sản phẩm thành lập theo hình thức đối tác công tư do các cơ quan Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thành lập hoặc tham gia thành lập.

Bộ, cơ quan ngang Bộ, UBND cấp tỉnh thành lập hoặc tham gia thành lập chuỗi phân phối sản phẩm theo hình thức đối tác công tư. DN và tổ chức đầu tư, KD khác được thành lập chuỗi phân phối sản phẩm.

DN, tổ chức đầu tư, KD chuỗi phân phối sản phẩm có ít nhất 80% số DNVVN tham gia cung ứng cho chuỗi sản phẩm SX tại Việt Nam được hưởng các hỗ trợ sau: miễn, giảm tiền thuê đất, tiền sử dụng đất, thuế sử dụng đất phi nông nghiệp theo pháp luật; miễn, giảm thuế TNDN có thời hạn theo quy định.

#### ***2.1.8. Các quy định pháp luật về hỗ trợ phát triển nguồn lực***

DNVVN được miễn, giảm chi phí tham gia các khóa đào tạo có sử dụng ngân sách nhà nước về khởi sự KD và quản trị DN, đào tạo nghề cho lao động làm việc trong các DNVVN. Nhà nước tổ chức thực hiện các chương trình đào tạo trực tuyến, chương trình đào tạo trên các phương tiện thông tin đại chúng cho DNVVN; hỗ trợ hoạt động đào tạo trực tiếp tại DNVVN trong lĩnh vực SX, chế biến.

#### ***2.1.9. Các quy định hỗ trợ DNVVN chuyển đổi từ hộ kinh doanh***

- DNVVN chuyển đổi từ hộ kinh doanh (HKD) được hỗ trợ nếu đáp ứng các điều kiện sau: Trước khi thành lập DN, HKD đã đăng ký và hoạt động theo pháp luật; HKD có hoạt động SXKD liên tục ít nhất là 01 năm tính đến ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (GCN ĐKDN) lần đầu.

- Nội dung hỗ trợ gồm:

- + Tư vấn, hướng dẫn miễn phí về hồ sơ, thủ tục thành lập DN.
- + Miễn lệ phí ĐKDN và phí cung cấp thông tin DN lần đầu; miễn phí thẩm định, phí, lệ phí cấp phép KD lần đầu đối với ngành, nghề KD có điều kiện; miễn lệ phí môn bài trong thời hạn 03 năm kể từ ngày được cấp GCN ĐKDN lần đầu.
- + Tư vấn, hướng dẫn miễn phí về các TTHC thuế và chế độ kế toán trong thời hạn 03 năm kể từ ngày được cấp GCN ĐKDN lần đầu.
- + Miễn, giảm thuế TNDN có thời hạn theo pháp luật về thuế TN
- + Miễn, giảm tiền sử dụng đất có thời hạn theo pháp luật về đất đai
- + DNVVN chuyển đổi từ HKD kế thừa toàn bộ quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của HKD theo pháp luật. Trường hợp công ty TNHH hoặc công ty cổ phần được thành lập trên cơ sở chuyển đổi từ HKD, chủ HKD phải chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình đối với các khoản nợ chưa thanh toán của HKD, trừ trường hợp có thỏa thuận khác theo pháp luật.
- + HKD chấm dứt hoạt động kể từ thời điểm DNVVN chuyển đổi từ HKD được cấp GCN ĐKDN.

#### ***2.1.10. Các quy định về hỗ trợ DNVVN khởi nghiệp sáng tạo:***

- DNVVN khởi nghiệp sáng tạo được hỗ trợ nếu đáp ứng các điều kiện: Có thời gian hoạt động không quá 05 năm kể từ ngày được cấp GCN ĐKDN lần đầu; chưa thực hiện chào bán chứng khoán ra công chúng đối với công ty cổ phần.
- Nội dung hỗ trợ gồm:
  - + Hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao công nghệ; hỗ trợ sử dụng trang thiết bị tại cơ sở kỹ thuật; hỗ trợ tham gia cơ sở ươm tạo, khu làm việc chung; hướng dẫn thử nghiệm, hoàn thiện sản phẩm mới, dịch vụ và mô hình KD mới.
  - + Hỗ trợ đào tạo, huấn luyện chuyên sâu về xây dựng, phát triển sản phẩm; thu hút đầu tư; tư vấn về sở hữu trí tuệ; thực hiện các thủ tục về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, đo lường, chất lượng.

+ Hỗ trợ thông tin, truyền thông, xúc tiến thương mại, kết nối mạng lưới khởi nghiệp sáng tạo, thu hút đầu tư từ các quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo.

+ Hỗ trợ thực hiện thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, khai thác và phát triển tài sản trí tuệ.

+ Trong từng thời kỳ, Chính phủ quyết định chính sách cấp bù lãi suất đối với khoản vay của DNVVN khởi nghiệp sáng tạo, thực hiện thông qua các tổ chức tín dụng.

## **2.2. Thực tiễn thực hiện pháp luật hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp**

Trên cơ sở pháp lý của Luật Hỗ trợ DNVVN năm 2017 và các văn bản pháp luật liên quan, công tác hỗ trợ của Nhà nước đối với DNVVN đã đạt được nhiều kết quả tốt, cụ thể:

*Thứ nhất*, trong xây dựng pháp luật, Việt Nam đã soạn thảo và ban hành Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa và các văn bản pháp luật hướng dẫn thi hành, như Nghị định số 39/2018/NĐ-CP ngày 11/3/2018 quy định chi tiết một số điều của Luật Hỗ trợ DNVVN, Nghị định số 55/2019/ NĐ-CP... mang tính nền tảng, tạo khung pháp lý điều chỉnh hoạt động hỗ trợ DNVVN. Trên cơ sở đó, các bộ, ngành tiếp tục hướng dẫn và triển khai các quy định cụ thể của pháp luật đối với hoạt động hỗ trợ phát triển DNVVN Các quy định tại Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2017, cùng các văn bản pháp luật liên quan đã cho thấy có nhiều điểm mới, nhiều sự cải thiện đáng kể so với các quy định trước đây về hỗ trợ DNVVN.

*Thứ hai*, các quy định hiện hành đã cụ thể hóa các nguyên tắc cơ bản của công tác hỗ trợ, đặc biệt là việc hỗ trợ DNVVN trong một số lĩnh vực quan trọng, có tính đột phá, có khả năng tạo ra giá trị gia tăng cao, như khởi nghiệp sáng tạo, tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị khi sử dụng ngân sách nhà nước. Trên cơ sở đó, khi triển khai hoạt động hỗ trợ đối với các lĩnh vực này mà có sử dụng NSNN, các cơ quan trực tiếp thực hiện phải xây dựng Đề án hỗ trợ với các nội dung cụ thể như: Mục tiêu; đối tượng và điều kiện hỗ trợ; trình tự, thủ tục lựa chọn; nội dung hỗ trợ; nguồn lực thực hiện; cơ chế quản lý, giám sát và đánh giá

kết quả thực hiện; thời gian thực hiện. Các yêu cầu trong Đề án sẽ là căn cứ để xác định trách nhiệm của cơ quan thực hiện hỗ trợ đồng thời cũng tạo điều kiện để các cơ quan, tổ chức được giao triển khai các hoạt động hỗ trợ có căn cứ thực hiện nhiệm vụ của mình. Đồng thời, nguyên tắc ưu tiên hỗ trợ cũng được áp dụng đối với DNVVN do nữ làm chủ và DNVVN sử dụng nhiều lao động nữ cũng như nguyên tắc về thời gian quy định tại Luật Hỗ trợ DNVVN. Những nguyên tắc hỗ trợ DNVVN tạo điều kiện để tăng tính khả thi và cải thiện hiệu quả của các hoạt động hỗ trợ đối với DNVVN.

*Thứ ba*, các quy định hiện nay đã cụ thể hóa những nội dung liên quan đến việc xác định DNVVN theo các cấp độ quy mô; đồng thời, quy định cụ thể đối với việc xác định các tiêu chí liên quan đến triển khai các hoạt động hỗ trợ gồm lĩnh vực hoạt động, số lao động, tổng nguồn vốn, tổng doanh thu của doanh nghiệp. Trên cơ sở quy định chung về tiêu chí xác định DNVVN tại Luật Hỗ trợ DNVVN, Nghị định số 39/2018/NĐ-CP đã cụ thể hóa việc phân loại DNVVN theo các cấp độ quy mô dựa trên 2 nhóm lĩnh vực là (i) nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản; và (ii) công nghiệp, xây dựng, thương mại dịch vụ. Các tiêu chí xác định quy mô doanh nghiệp được cụ thể ở cả 03 tiêu chí, gồm số lao động bình quân, tổng nguồn vốn hoặc tổng doanh thu năm. Việc phân loại quy mô này là phù hợp và tương đồng với cách thức phân loại của nhiều quốc gia trên thế giới. Các quy định về tiêu chí xác định quy mô DNVVN đã thể hiện sự thay đổi hướng đến việc đảm bảo tính khả thi đối với việc triển khai các hoạt động hỗ trợ DNVVN như (i) Hướng đến sự phù hợp trong điều kiện mới, đặc biệt là khi cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 đang có những tác động đến nền kinh tế Việt Nam nói chung và khu vực doanh nghiệp nói riêng; (ii) Với tiềm năng có thể áp dụng công nghệ tiên tiến nên giới hạn số lao động bình quân đối với các doanh nghiệp quy mô nhỏ và vừa trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, triển khai các hoạt động hỗ trợ DNVVN như (i) Hướng đến sự phù hợp trong điều kiện mới, đặc biệt là khi cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 đang có những tác động đến nền kinh tế Việt Nam nói chung và khu vực doanh nghiệp nói riêng; (ii) Với tiềm năng có thể áp dụng công nghệ tiên tiến nên giới hạn số lao động bình quân đối với các doanh nghiệp quy

mô nhỏ và vừa trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản và công nghiệp, xây dựng đã được điều chỉnh từ 200 người xuống 100 người đối với doanh nghiệp quy mô nhỏ và từ 300 người xuống 200 người đối với doanh nghiệp quy mô vừa; (iii) Bổ sung tiêu chí về tổng doanh thu khi xác định quy mô doanh nghiệp. Việc bổ sung tiêu chí mới (cũng được nhiều quốc gia sử dụng) sẽ thêm một căn cứ khi xác định quy mô doanh nghiệp trong quá trình triển khai các hoạt động hỗ trợ.

*Thứ tư*, bên cạnh đó, các quy định hiện nay còn đề cập đến hỗ trợ tiếp cận tín dụng, hỗ trợ đầu tư cho khởi nghiệp sáng tạo, Quỹ Phát triển DNVVN, hỗ trợ thông tin, tư vấn và pháp lý; Hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực; Hỗ trợ chuyển đổi từ hộ kinh doanh đăng ký thành doanh nghiệp; Hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo; Hỗ trợ tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị. Đây là những quy định cụ thể hơn so với Nghị định số 56/2009/NĐ-CP. Ví dụ: Nghị định số 56/2009/NĐ-CP chỉ quy định chung đối với hỗ trợ nguồn nhân lực thì Luật Hỗ trợ DNVVN, Nghị định số 39/2018/NĐ-CP đã cụ thể hóa các hoạt động hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực với các hoạt động hỗ trợ về đào tạo khởi sự kinh doanh và quản trị kinh doanh (cho đối tượng là chủ sở hữu và người quản lý doanh nghiệp), hỗ trợ đào tạo nghề (cho người lao động).

Ngoài việc tách bạch quy định hỗ trợ thông tin và hỗ trợ tư vấn so với Nghị định số 56/2009/NĐ-CP, Nghị định số 39/2018/NĐ-CP quy định cụ thể hơn đối với hoạt động hỗ trợ tư vấn cho DNVVN. Trong khi, Nghị định số 56/2009/NĐ-CP gần như không có quy định cụ thể nào đối với hoạt động tư vấn cho DNVVN thì Nghị định số 39/2018/NĐ-CP đã có những quy định cụ thể đối với hoạt động này. Các nội dung hỗ trợ DNVVN khởi nghiệp sáng tạo gồm hỗ trợ tư vấn về sở hữu trí tuệ, khai thác và phát triển tài sản trí tuệ; hỗ trợ các thủ tục về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, đo lường chất lượng, thử nghiệm, hoàn thiện sản phẩm mới, mô hình kinh doanh mới; hỗ trợ về ứng dụng chuyển giao công nghệ; hỗ trợ về đào tạo, thông tin, xúc tiến thương mại, thương mại hóa... Quy định về mạng lưới tư vấn viên và cách thức tiếp cận mạng lưới tư vấn viên đối với các DNVVN có nhu cầu và đáp ứng điều kiện để được cung cấp dịch vụ hỗ trợ tư vấn lần đầu tiên được quy định tại Luật Hỗ trợ DNVVN; Quy định cụ thể, rõ ràng đối với quy



trình, hồ sơ, điều kiện và mức hỗ trợ đối với các DNVVN được chấp nhận hỗ trợ dịch vụ tư vấn; Quy định cụ thể về điều kiện, cách thức để trở thành tư vấn viên trong mạng lưới tư vấn hỗ trợ DNVVN.

*Thứ năm*, nhiều văn bản pháp luật về hỗ trợ DNVVN đã được ban hành và triển khai thực hiện sau khi Luật Hỗ trợ DNVVN có hiệu lực thi hành.

*Thứ sáu*, nhờ công tác hỗ trợ cho DNVVN được thực hiện có hiệu quả, nên số lượng doanh nghiệp tăng lên hàng năm, thông qua đó với việc tạo thêm nhiều việc làm mới cho người lao động. Năm 2021, toàn nền kinh tế thu hút 51,7 triệu lao động, tạo thêm 1,1 triệu việc làm mới so với cùng kỳ năm trước đó. Tốc độ tăng trưởng lao động và số việc làm mới tăng thêm cực nhanh cho thấy doanh nghiệp đang phát triển theo chiều hướng tích cực. Trước đó, doanh nghiệp phải đối mặt với nhiều thách thức từ tình hình khủng hoảng kinh tế, dẫn đến thái độ dè dặt trong đầu tư và mở rộng sản xuất của khối DN nói chung, DNVVN nói riêng.

### **2.3. Những khó khăn, bất cập và nguyên nhân dẫn đến những hạn chế trong hoạt động hỗ trợ pháp lý đối với DNVVN**

#### ***2.3.1. Những hạn chế, bất cập***

Quá trình thi hành Luật Hỗ trợ DNVVN được hơn hai năm đã mang lại những kết quả, góp phần thúc đẩy việc hỗ trợ DNVVN có hiệu quả, nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp. Tuy nhiên, thực tế thi hành các quy định của pháp luật về hỗ trợ DNVVN vẫn bộc lộ nhiều vướng mắc, khó khăn.

#### ***\* Đối với nhà nước***

- Thứ nhất, khung pháp lý phục vụ công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp chưa đầy đủ, chưa thật sự đáp ứng được sự phát triển mạnh mẽ của doanh nghiệp. Sự biến động, thay đổi liên tục của các văn bản quy phạm pháp luật của Trung ương liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp phần nào gây khó khăn cho các cơ quan, đơn vị, địa phương và doanh nghiệp trong việc nghiên cứu, tiếp cận và hệ thống các văn bản để triển khai thực hiện, hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp chưa được thực hiện một cách đồng bộ và có hệ thống.

- Thứ hai, đội ngũ công chức, viên chức làm công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp còn ít về số lượng, đa số thực hiện công tác là kiêm nhiệm, ít về kinh nghiệm, chưa thường xuyên được đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu về kiến thức pháp luật và kỹ năng hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp, nhiệm vụ tăng, áp lực công việc nhiều, còn có công chức, viên chức nghỉ việc nên chất lượng tuyên truyền, tư vấn hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp chưa đồng đều; chưa rõ đầu mối triển khai thực hiện công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp ở các sở, ngành tỉnh.

- Thứ ba, kinh phí cho công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp còn hạn chế, trang thiết bị phục vụ công tác tư vấn tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và Trả kết quả - Trung tâm Hành chính tỉnh chưa đầy đủ.

- Thứ tư, hoạt động hỗ trợ pháp lý đối với đối tượng doanh nghiệp vừa và nhỏ trên địa bàn của nhiều tỉnh đạt hiệu quả chưa cao, chưa thu hút được sự tham gia tích cực của các doanh nghiệp. Đối với các doanh nghiệp có quy mô lớn, hầu hết đều sử dụng dịch vụ tư vấn pháp luật chuyên nghiệp hoặc có bộ phận pháp chế hoặc thuê luật sư để cung cấp dịch vụ pháp lý, ít có nhu cầu hỗ trợ pháp lý từ các cơ quan nhà nước.

- Thứ năm, việc chấp hành pháp luật của các doanh nghiệp vẫn còn nhiều mặt hạn chế, một phần do nhận thức về vai trò, ý nghĩa pháp luật của một số chủ doanh nghiệp, chưa tạo điều kiện cho Báo cáo viên, Tư vấn viên, Tuyên truyền viên vào doanh nghiệp để tư vấn, tuyên truyền, chưa có thói quen sử dụng tư vấn pháp luật để áp dụng, thi hành và phòng, chống rủi ro trong kinh doanh; các doanh nghiệp tham dự hội thảo, hội nghị còn ít, chưa được chú trọng. Doanh nghiệp chưa chú trọng đến việc đăng ký bảo hộ, bản quyền của doanh nghiệp, chỉ đến khi nào quyền lợi của doanh nghiệp bị bên thứ hai xâm phạm hoặc bị bên thứ hai khuyến cáo hành vi vi phạm quyền của người khác thì doanh nghiệp mới tìm hiểu và bảo vệ bằng nhiều cách khác nhau.

- Thứ sáu, hiện nay, tất cả các thủ tục hành chính liên quan đến người dân và doanh nghiệp đã được công khai, minh bạch; đối với các thủ tục đơn giản, thì người dân, doanh nghiệp có thể dễ dàng tra cứu, thực hiện nên không cần sự tư

vấn, hỗ trợ. Đối với những thủ tục phức tạp, thành viên thường trực tại Tổ tư vấn thủ tục hành chính của tỉnh sẽ khó có thể tư vấn, hướng dẫn được cho doanh nghiệp mà cần có sự hỗ trợ, phối hợp của các Sở chuyên ngành nên quá trình hỗ trợ, tư vấn sẽ mất nhiều thời gian.

### ***\*Đối với doanh nghiệp***

*Một là*, việc khó tiếp cận vốn ngân hàng đối với doanh nghiệp cũng là một trở ngại, Ngân hàng không thiếu vốn nhưng số lượng các doanh nghiệp tạo được niềm tin với ngân hàng chưa nhiều. Pháp luật của ngân hàng với đặc thù là một tổ chức “đi vay để cho vay” nên các quy định, quy trình cho vay luôn thận trọng, quy chuẩn và chặt chẽ buộc doanh nghiệp phải tuân thủ. Trong khi đó, doanh nghiệp lại không chứng minh được hiệu quả sản xuất, kinh doanh của phương án vay vốn, báo cáo tài chính không theo chuẩn quy định của ngân hàng, nguồn vốn đối ứng và giá trị tài sản thế chấp thấp...

*Hai là*, do tính chất rủi ro trong đầu tư khởi nghiệp rất lớn nên đầu tư khởi nghiệp sáng tạo hay còn gọi là đầu tư mạo hiểm và là cuộc chơi dành cho những nhà đầu tư có tiềm lực kinh tế, có kinh nghiệm và rất am hiểu về đầu tư tài chính và doanh nghiệp. Nghị định về đầu tư khởi nghiệp sáng tạo quy định “đối với nhà đầu tư là cá nhân thì phải có thu nhập bình quân trong 2 năm tối thiểu 200 triệu đồng Việt Nam hoặc có tổng tài sản tối thiểu 500 triệu đồng Việt Nam; đối với nhà đầu tư là tổ chức thì phải có tổng tài sản tối thiểu là 01 tỷ đồng Việt Nam. Nghị định về đầu tư khởi nghiệp sáng tạo đã quy định cơ chế đầu tư cho doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo có sử dụng ngân sách nhà nước thực hiện qua hình thức xây dựng Đề án đầu tư cho doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, thẩm quyền quyết định thuộc chính quyền địa phương có sự tham vấn của các Bộ ngành liên quan. Chính quyền địa phương thông qua một tổ chức tài chính nhà nước địa phương để triển khai Đề án đầu tư cho khởi nghiệp sáng tạo trên địa bàn mình. Sự tham gia của vốn đầu tư nhà nước mang tính chất vốn mồi, chia sẻ rủi ro ban đầu với các nhà đầu tư tư nhân (vốn đầu tư).

*Ba là*, bên cạnh đó, cũng nhận thấy rằng DNVVN vẫn có những bất lợi và thường tụt hậu trong việc tiếp nhận các công nghệ số so với các đối tác lớn. Thiếu nhân lực công nghệ có chất lượng và nguồn tài chính thích hợp là những lý do chủ yếu, giải thích tại sao các DNVVN ít có khả năng áp dụng công nghệ số hơn các doanh nghiệp lớn. Hơn nữa, các DNVVN không phải đều có đủ năng lực và được trang bị đầy đủ để đối phó với những thách thức mà công nghệ số đưa ra, như an toàn, an ninh mạng, bảo vệ sở hữu trí tuệ, đạo đức kinh doanh... Giải quyết các vấn đề này đòi hỏi cần có một cách tiếp cận toàn diện nhằm giải quyết cơ sở hạ tầng số, kỹ năng kỹ thuật số, nguồn lực lao động công nghệ có chất lượng, hiệu lực bảo vệ nhà đầu tư khi áp dụng công nghệ mới. Trong đó, về phương diện trách nhiệm của các cơ quan quản lý, điều quan trọng là tạo lập được pháp luật cho DNVVN có nhiều cơ hội hơn và tiếp cận được nguồn lực dễ dàng hơn để chủ động tiến sâu vào nền kinh tế số, đối mặt với những cơ hội và thách thức đang đặt ra hiện nay.

*Bốn là*, về mặt bằng sản xuất, kinh doanh. Thực tế cho thấy, các DNVVN thường khó khăn về mặt bằng sản xuất, kinh doanh, đặc biệt là các trung tâm đô thị. Sự khó khăn về mặt bằng, sản xuất, kinh doanh ảnh hưởng rất lớn đến hiệu quả cũng như mở rộng mô hình kinh doanh của các doanh nghiệp. Việc tiếp cận đất với giá cả minh bạch, thủ tục đơn giản là tương đối khó khăn

Tại Hà Nội, vấn đề địa điểm kinh doanh luôn được các DNVVN Hà Nội quan tâm. Có tới 55% số hộ kinh doanh cá thể vẫn phải sử dụng nhà ở của mình làm địa điểm kinh doanh. Chỉ có 02% số hộ kinh doanh cá thể có địa điểm kinh doanh tại các trung tâm thương mại, siêu thị. Đối với đối tượng doanh nghiệp, tỷ lệ sử dụng nhà làm địa điểm kinh doanh cũng lên tới 33%. Chỉ có 0,8% số doanh nghiệp có địa điểm kinh doanh tại khu công nghiệp, khu chế xuất, cụm công nghiệp.

*Năm là*, chất lượng nguồn nhân lực và khả năng quản lý của chủ doanh nghiệp hạn chế. Chất lượng nguồn nhân lực và khả năng quản lý của chủ doanh nghiệp nhỏ và vừa có thể hạn chế hơn so với các doanh nghiệp lớn. Ngay cả trên

địa bàn Hà Nội, nếu so với các DNVVN trên cả nước thì nguồn nhân lực của các DNVVN trên địa bàn Hà Nội được đánh giá là cao hơn, trong đó tỷ lệ chủ doanh nghiệp có trình độ trên đại học là 6% (so với tỷ lệ trung bình 1,3% của cả nước). Tuy nhiên, chất lượng nguồn nhân lực nói chung vẫn thấp. Nguyên nhân chủ yếu là do có quy mô nhỏ nên nguồn vốn đầu tư đào tạo chuyên môn cho người lao động còn hạn chế. Thêm vào đó, bản thân DNVVN khó thu hút được nguồn nhân lực chất lượng cao. Việc thực hiện chưa đầy đủ các pháp luật bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế cho người lao động đã làm giảm chất lượng làm việc trong khu vực DNVVN. Khả năng quản lý của chủ doanh nghiệp cũng là một điều đáng lo ngại. Một bộ phận lớn chủ doanh nghiệp và giám đốc tư nhân chưa được đào tạo bài bản về năng lực quản trị kinh doanh và kỹ năng quản lý, đặc biệt là năng lực quản trị kinh doanh quốc tế

Sáu là, B y là, trình độ kỹ thuật công nghệ và sự liên kết, hợp tác giữa các DNVVN còn lạc hậu và yếu. Phần lớn các DNVVN được trang bị máy móc thiết bị có nguồn gốc từ nhiều nước khác nhau như Trung Quốc, Liên Xô cũ, Đông Âu, Đài Loan, Hàn Quốc... thuộc các thế hệ khác nhau và lạc hậu so với thế giới từ 10-20 năm. Trình độ công nghệ lạc hậu làm hao phí nguyên liệu, vật liệu gấp 1,5 lần so với thế giới, năng suất lao động và chất lượng sản phẩm thấp đã hạn chế năng lực cạnh tranh của DNVVN

Bên cạnh đó, tính liên kết, hợp tác sản xuất của các DNVVN còn yếu. Có thể nói liên kết giữa các doanh nghiệp, đặc biệt là giữa các DNVVN và các doanh nghiệp lớn cũng như giữa các DNVVN với nhau ở Việt Nam nói chung đang ở những bước sơ khai.

### ***2.3.2. Nguyên nhân cũng những bất cập và khó khăn***

#### ***\* Đối với Nhà nước***

- Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật được ban hành ngày càng nhiều với số lượng lớn, lại liên tục được sửa đổi, bổ sung nên doanh nghiệp khó nắm bắt. Bên cạnh đó, các văn bản pháp luật vẫn còn tình trạng thiếu cụ thể, chưa rõ ràng,

nhiều văn bản thiếu tính khả thi, còn có sự trùng lặp, chồng chéo thậm chí mâu thuẫn nhau; tính ổn định của hệ thống pháp luật chưa cao.

- Một số sở, ngành tỉnh chưa chủ động, sáng tạo, tích cực đổi mới trong công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp, nội dung, hình thức chưa đa dạng; hầu hết sở, ngành đều triển khai các kế hoạch, giải pháp để hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp trong phạm vi lĩnh vực chuyên ngành của mình nhưng chưa có sự phối hợp chặt chẽ, hiệu quả giữa các sở, ngành, địa phương trong tỉnh. Nên hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp chưa được thực hiện một cách đồng bộ và có hệ thống.

- Nhu cầu được hỗ trợ pháp lý của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Bình Dương hiện nay là rất lớn; tuy nhiên, nhân lực của Sở Tư pháp và tổ chức pháp chế của các cơ quan chuyên môn nói chung còn thiếu, chưa có nhiều kinh nghiệm và mô hình hay trong hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp. Đội ngũ cán bộ làm công tác hỗ trợ pháp lý doanh nghiệp ở các sở, ngành phần lớn kiêm nhiệm, chưa được đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng, nghiệp vụ, hạn chế về ngoại ngữ và kiến thức pháp luật quốc tế nên gặp khó khăn khi hỗ trợ cho doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, hỗ trợ nội dung liên quan đến thương mại quốc tế.

- Một bộ phận doanh nghiệp chưa nhận thấy được các lợi ích khi tham gia các chương trình hỗ trợ pháp lý cho nên chưa tích cực tham gia; phần lớn các doanh nghiệp vừa và nhỏ chưa bố trí cán bộ phụ trách công tác pháp chế hoặc chỉ có cán bộ kiêm nhiệm, chưa được đào tạo bài bản, do đó, việc tiếp cận và hiểu các văn bản pháp luật rất khó khăn, hạn chế... Việc chấp hành pháp luật của các doanh nghiệp vẫn còn nhiều mặt hạn chế, một phần do nhận thức về vai trò, ý nghĩa pháp luật của một số chủ doanh nghiệp, chưa có thói quen sử dụng tư vấn pháp luật để áp dụng, thi hành và phòng, chống rủi ro trong kinh doanh.

#### ***\* Đối với doanh nghiệp***

*Thứ nhất*, mặc dù Luật Hỗ trợ DNVVN năm 2017 quy định về nguyên tắc tôn trọng quy luật thị trường, tuy nhiên những nguyên tắc về hỗ trợ DNVVN tại Nghị định số 39/2018/NĐ-CP vẫn chưa thể hiện hết được tinh thần này

*Thứ hai*, một số quy định về mạng lưới tư vấn viên vẫn mang tính cứng nhắc và hành chính. Theo đó, hồ sơ đăng ký vào mạng lưới tư vấn viên: đối với trường hợp cá nhân tư vấn, hồ sơ bao gồm: Sơ yếu lý lịch; bằng đào tạo; hồ sơ kinh nghiệm; các văn bản, giấy tờ được cơ quan có thẩm quyền cấp (đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện); đối với trường hợp tổ chức tư vấn: Giấy phép thành lập; hồ sơ kinh nghiệm, hồ sơ của các cá nhân tư vấn thuộc tổ chức và các văn bản, giấy tờ được cơ quan có thẩm quyền cấp (đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện). Quy định này có thể tạo ra những “rào cản” khi tham gia vào mạng lưới tư vấn viên, đặc biệt khó phát huy được mạng tư vấn viên “tình nguyện”.

*Thứ ba*, hiện nay, có các quy định về mạng lưới tư vấn viên được xây dựng, bao gồm tư vấn viên đã và đang hoạt động theo quy định của pháp luật chuyên ngành và tư vấn viên hình thành mới, đảm bảo nguyên tắc: đối với cá nhân tư vấn phải đảm bảo về trình độ chuyên môn nghiệp vụ, kinh nghiệm công tác, trình độ đào tạo, phù hợp và đáp ứng nhu cầu của DNVVN; đối với tổ chức phải đảm bảo đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành và phù hợp với nhu cầu của DNVVN. Tuy nhiên, các quy định của pháp luật hiện hành chưa đề cập cụ thể đến nhiệm vụ, trách nhiệm của cơ quan cũng như cá nhân chịu trách nhiệm vận hành mạng lưới tư vấn trong việc khuyến khích, mời gọi các nhà tư vấn có năng lực tham gia vào hoạt động cung cấp tư vấn cho các DNVVN được hỗ trợ.

*Thứ tư*, quy định về thành phần tham gia Hội đồng tham gia Đề án hỗ trợ DNVVN chưa cụ thể. Trách nhiệm của cơ quan chủ trì Đề án hỗ trợ DNVVN là: Xây dựng quy chế phối hợp, giám sát và đánh giá thực hiện Đề án hỗ trợ DNVVN; Thành lập Hội đồng lựa chọn đối tượng tham gia Đề án hỗ trợ DNVVN DNVVN; Tổ chức thực hiện, giám sát, đánh giá tình hình thực hiện Đề án hỗ trợ DNVVN: Định kỳ hàng năm báo cáo cơ quan có thẩm quyền và Bộ Kế hoạch và Đầu tư về tình hình triển khai Đề án hỗ trợ DNVVN [16, Điều 27]. Tuy nhiên, các DNVVN cũng như các bên có liên quan, như nhà đầu tư, các bên cho vay... lại không tham gia vào Hội đồng hỗ trợ DNVVN. Quy định này chưa phù hợp, vì trên thực tế, để

có được những thành viên có chất lượng và chuyên môn sâu, vai trò của các tổ chức chuyên nghiệp tham gia Hội đồng là rất quan trọng. Việc tham gia của các bên sẽ làm tăng khả năng có được một Hội đồng có chất lượng cao và hoạt động hiệu quả hơn trong việc thực hiện Đề án hỗ trợ DNVVN.

## **TIÊU KẾT CHƯƠNG 2**

1. Doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNVVN) đóng vai trò rất quan trọng trong nền kinh tế Việt Nam. Vai trò này càng được khẳng định khi Nghị quyết số 10-NQ/TW ngày 03/6/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) về phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế.

2. Mặc dù đã đạt được những thành công nhất định, tuy nhiên các pháp luật hỗ trợ DNVVN chưa đáp ứng được yêu cầu, nhu cầu của doanh nghiệp trong bối cảnh hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng. Việc triển khai các pháp luật hỗ trợ DNVVN trong thời gian qua cho thấy, pháp luật trợ giúp cho DNVVN còn ở mức thấp, tỷ lệ DNVVN tham gia và thụ hưởng các chương trình hỗ trợ pháp luật của Nhà nước còn ở mức khiêm tốn.

3. Tác động của hoạt động trợ giúp đối với DNVVN chưa thể hiện rõ, chưa có trọng tâm, chưa ưu tiên cho ngành trọng điểm, chưa hỗ trợ phát triển cho các cụm liên kết ngành. Tình trạng này xuất phát từ nhiều nguyên nhân chủ quan và khách quan, trong đó có một nguyên nhân rất quan trọng là nguồn lực dành cho trợ giúp phát triển DNVVN còn phân tán, trình tự thủ tục để thụ hưởng các pháp luật hỗ trợ của Nhà nước còn nhiều bất cập, gây khó khăn cho DNVVN... Cụ thể, khó khăn lớn nhất của DNVVN là chi phí đầu vào sản xuất quá lớn, việc kinh doanh phần lớn dựa vào nguồn vốn vay ngân hàng có lãi suất rất cao và khả năng tiếp cận khó khăn. Nguồn lao động bị cạnh tranh với các doanh nghiệp lớn trong nước và cả doanh nghiệp nước ngoài, hơn nữa, các DNVVN cũng phải đối mặt với tình trạng thiếu hụt nhân lực có tay nghề cao. Ngoài ra, do năng lực về vốn chưa đủ mạnh, các doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn về việc tiếp cận công nghệ mới cũng như những pháp luật hỗ trợ đổi mới công nghệ.



4. Chính vì vậy, việc tiếp tục nghiên cứu các vấn đề lý luận cũng như nghiên cứu thực tiễn liên quan đến sự hỗ trợ của Nhà nước đối với DNVVN như: nhận diện, phân loại, vai trò của DNVVN cũng như các pháp luật hỗ trợ từ phía Nhà nước đối với DNVVN trong giai đoạn hiện nay là hết sức cần thiết. Kết quả nghiên cứu những vấn đề này sẽ góp phần đưa luật đi vào cuộc sống, đáp ứng mong muốn của DNVVN - lực lượng chủ lực trong hoạt động sản xuất kinh doanh ở nước ta hiện nay.

## **Chương 3. PHƯƠNG HƯỚNG, GIẢI PHÁP GÓP PHẦN HỖ TRỢ PHÁP LÝ CHO DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ TẠI VIỆT NAM**

### **3.1. Phương hướng hỗ trợ pháp lý cho DNVVN hiện nay**

#### ***3.1.1. Hoàn thiện pháp luật hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp ở Việt Nam phải phù hợp với đường lối đổi mới, chủ trương của Đảng và Nhà nước về hỗ trợ doanh nghiệp***

Hoàn thiện các quy định pháp luật về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhằm cụ thể hóa các quy định của Hiến pháp năm 2013: Nhà nước khuyến khích, tạo điều kiện để doanh nhân, doanh nghiệp và cá nhân, tổ chức khác đầu tư, sản xuất, kinh doanh; phát triển bền vững các ngành kinh tế, góp phần xây dựng đất nước. Đồng thời, việc hoàn thiện các quy định về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp phải bảo đảm tính thống nhất trong hệ thống pháp luật; bảo đảm tính khả thi và không làm cản trở việc thực hiện các Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XIII đã nêu rõ: “Tạo mọi điều kiện thuận lợi để phát triển mạnh doanh nghiệp Việt Nam, nhất là doanh nghiệp tư nhân, làm động lực nâng cao sức cạnh tranh và tính tự chủ của nền kinh tế”. Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 16/5/2016 của Chính phủ về hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp giai đoạn 2016-2020, đặt mục tiêu tới năm 2020 cả nước ta có 1 triệu doanh nghiệp (tuy nhiên, đến cuối năm 2019 mới đạt được trên 624.000 doanh nghiệp). Tại kỳ họp Quốc hội năm 2017, Chính phủ cũng trình Quốc hội thông qua dự án Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Như vậy, chủ trương hỗ trợ doanh nghiệp của Đảng là rõ ràng, Chính phủ, các bộ, ngành cũng thể hiện quyết tâm vì doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa và điều còn lại là Việt Nam phải xây dựng thể chế, chính sách như thế nào trong công tác hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa nói chung trong đó hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nói riêng, doanh nghiệp, xã hội phải làm gì để chủ trương và chính sách đó đi vào cuộc sống cộng đồng doanh nghiệp.

Hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp là một nội dung công việc quan trọng của Nhà nước nên hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp có mối quan hệ mật thiết đối với toàn bộ hoạt động của Nhà nước, nhất là hoạt động cải cách hành chính, nâng cao chính số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh, cải thiện chỉ số A9 (giải quyết tranh chấp hợp đồng), chỉ số A10 (chỉ số phá sản doanh nghiệp) ... Do đó, việc hoàn thiện pháp luật về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhằm bảo đảm thực hiện hiệu quả công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp là một trong các biện pháp để đẩy mạnh cải cách hành chính, xây dựng bộ máy nhà nước trong sạch, vững mạnh, phù hợp với mục tiêu của Nhà nước pháp quyền và phải được đặt trong tổng thể cải cách tư pháp, cải cách bộ máy nhà nước pháp quyền Việt Nam Xã hội chủ nghĩa.

Ngoài ra, việc hoàn thiện pháp luật về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp cũng cần đặt trong bối cảnh tăng cường triển khai các hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp để nâng cao mục tiêu phản ánh chính sách, tiếp thu kịp thời, hiệu quả các vướng mắc pháp lý trên thực tiễn áp dụng pháp luật của doanh nghiệp để phản hồi lại cho các cơ quan nhà nước có thẩm quyền và các nhà lập pháp, xây dựng pháp luật để kịp thời nghiên cứu, đề xuất, sửa đổi, bổ sung các quy định pháp luật liên quan trực tiếp đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp như Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư, Luật Đấu thầu, Bộ luật Dân sự, Bộ luật Lao động... và kể các lĩnh vực pháp luật như Bộ luật Hình sự, Luật Xử lý vi phạm hành chính, Luật Bán đấu giá tài sản... nhằm mục đích phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

### ***3.1.2. Hoàn thiện pháp luật về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhằm huy động sự tham gia tích cực của các cơ quan, tổ chức, cá nhân vào hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp***

Hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa được thực hiện dưới các hình thức hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp, từ sự tham gia tích cực, hiệu quả của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp khởi

nghiệp, sáng tạo; nguồn kinh phí để triển khai các hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp là từ nguồn kinh phí của cơ quan nhà nước là chủ yếu (kinh phí từ Trung ương và địa phương), ngoài ra có sự huy động sự đóng góp của các cá nhân, cơ quan, tổ chức khác, trong đó, có sự tham gia, đóng góp các nguồn lực hoạt động của các tổ chức đại diện cho doanh nghiệp và bản thân các doanh nghiệp với tư cách là đối tượng thụ hưởng công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp.

Việc hoàn thiện các quy định pháp luật về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhằm huy động sự tham gia tích cực của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp là trên cơ sở các quy định của Luật Tổ chức Chính phủ năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2019) với các nhiệm vụ và quyền hạn của Chính phủ trong tổ chức thi hành Hiến pháp và pháp luật; Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2019), trong đó quy định trách nhiệm cụ thể của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các cấp trong việc tổ chức thi hành Hiến pháp và pháp luật đối với người dân và doanh nghiệp.

Luật Doanh nghiệp năm 2014 (Luật Doanh nghiệp năm 2020 đã được Quốc hội thông qua ngày 17/6/2020) quy định trách nhiệm quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp đăng ký và hoạt động theo quy định của Luật. Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2017 quy định các hình thức hỗ trợ của nhà nước đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa, trong đó, có hỗ trợ thuế, tài chính, mặt bằng sản xuất, thông tin pháp lý cho doanh nghiệp... các hình thức hỗ trợ của nhà nước đối với doanh nghiệp được đặt trong giải pháp chung về hỗ trợ pháp lý của nhà nước đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa (vì các hoạt động hỗ trợ khác của nhà nước đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa như thuế, mặt bằng sản xuất... đều liên quan đến hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp).

Do đó, việc hoàn thiện các quy định pháp luật, trong đó có việc xây dựng các giải pháp hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp phải gắn liền với việc nâng cao tinh thần trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức hữu quan khi việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, tổ chức đó trong việc hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp theo quy định pháp luật về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp; đảm bảo được sự phối

hợp chặt chẽ giữa các cơ quan với các tổ chức đại diện cho doanh nghiệp (như: Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, Hội doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam, Hội doanh nghiệp tư nhân Việt Nam, Hội các nhà đầu tư nước ngoài tại Việt Nam, Câu lạc bộ pháp chế doanh nghiệp...) và các doanh nghiệp trong quá trình thực hiện, từ đó phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn xã hội vào công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp. Kinh nghiệm hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa (trong đó có hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp) tại Hàn Quốc, Nhật Bản cho thấy việc hỗ trợ pháp lý hiệu quả cho doanh nghiệp đòi hỏi có sự tham gia của nhiều cơ quan, tổ chức, cá nhân. Việc thực hiện công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp cần đẩy mạnh thông qua phương thức truyền truyền, giáo dục, thuyết phục doanh nghiệp thực hiện đúng pháp luật, nhất là các doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp siêu nhỏ, doanh nghiệp khởi nghiệp, sáng tạo.

### ***3.1.3. Hoàn thiện pháp luật về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp đảm bảo tính đồng bộ, tính khả thi***

Theo kết quả nghiên cứu lý luận cho thấy, thì yếu tố ảnh hưởng tới hiệu quả hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp bao gồm yếu tố về nhu cầu hỗ trợ pháp lý của doanh nghiệp trong từng thời kỳ, tại các vùng, ngành, lĩnh vực và yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế. Ngoài ra, chương trình xây dựng luật, nghị quyết của Quốc hội; pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và kế hoạch ban hành các văn bản quy phạm pháp luật của Chính phủ, các cơ quan nhà nước ở Trung ương và địa phương; cũng như tâm lý, sự hiểu biết và ý thức tuân thủ pháp luật của doanh nghiệp, sự quan tâm hỗ trợ của các cơ quan nhà nước, các tổ chức đại diện cho doanh nghiệp... là các vấn đề phải xem xét tới khi hoàn thiện các quy định pháp luật và triển khai hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp.

Hiện nay, những tồn tại, hạn chế trong hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp có nguyên nhân từ những hạn chế trong quy định của pháp luật về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp; sự quá tải do áp lực công việc của nhân sự thực hiện công tác hỗ trợ doanh nghiệp nói chung và công tác này nói riêng; khó khăn trong công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp; năng lực chuyên môn, tinh thần trách

nhệm của cán bộ công chức trong việc thực thi các nhiệm vụ liên quan đến doanh nghiệp... Do vậy, yêu cầu đặt ra đối với việc hoàn thiện các quy định pháp luật nhằm nâng cao hiệu quả các hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp tại Việt Nam hiện nay và trong thời gian tới là đưa ra được các giải pháp có tính đồng bộ và khả thi cao nhằm hạn chế được những yếu tố có tác động tiêu cực tới hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp, hướng tới việc khắc phục những hạn chế, tồn tại trong pháp luật và thực hiện pháp luật về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp.

Các giải pháp đề xuất hoàn thiện các quy định về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp đề ra nếu không được xây dựng và thực hiện một cách đồng bộ, phù hợp với thực tiễn, nhu cầu của doanh nghiệp thì sẽ không mang tính hiệu quả cao, chỉ mang tính chất tình thế, hình thức. Vì vậy, khi xây dựng, hoàn thiện các quy định pháp luật, đưa ra các giải pháp nâng cao hiệu quả hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp đều phải nghiên cứu kỹ các vấn đề liên quan để đưa ra giải pháp đồng bộ để xử lý từ việc hoàn thiện quy định pháp luật đến nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật.

Đối với những vấn đề có nội dung phức tạp và do nhiều nguyên nhân khác nhau gây nên, trong đó có những nguyên nhân xuất phát từ bản chất nội tại của hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp, có nguyên nhân xuất phát từ luật định (Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa), có nguyên nhân xuất phát từ các điều kiện kinh tế, chính trị, xã hội. Các giải pháp hoàn thiện pháp luật đưa ra phải đảm bảo khắc phục được cơ bản các nguyên nhân và đặt trong tổng thể các biện pháp về kinh tế, chính trị, xã hội để hạn chế mức thấp nhất bất cập và đảm bảo tính khả thi của giải pháp. Bởi thế, các giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp phải đồng bộ, có tính khả thi trong thực tế.

### ***3.2. Các giải pháp hoàn thiện pháp luật về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp***

Theo quan điểm hoàn thiện pháp luật về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp được nêu trên thì việc hoàn thiện pháp luật trong hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp cần tập trung vào một số vấn đề cơ bản sau đây:

Theo đó, trước hết cần tổ chức khảo sát, đánh giá thực trạng, nhu cầu hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp, việc khảo sát có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông

qua các tổ chức đại diện của doanh nghiệp. Tổ chức hội thảo, tọa đàm, đối thoại các chuyên kiến để cơ quan quản lý nhà nước lắng nghe, tiếp thu ý kiến phản hồi từ phía doanh nghiệp, từ đó đề xuất, kiến nghị hoàn thiện chính sách, pháp luật. đề pháp luật về kinh doanh cho doanh nghiệp, thông qua đó để góp phần vào việc xây dựng, hoàn thiện các dự thảo luật, các chính sách liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp; nắm bắt những khó khăn, vướng mắc mà doanh nghiệp đang gặp phải trong quá trình thực thi, áp dụng pháp luật, qua đó một phần giúp cho các doanh nghiệp có điều kiện tiếp cận thông tin, cập nhật kiến thức pháp luật, các vấn đề mang tính thời sự, trao đổi kinh nghiệm thực tiễn, đặt ra các tình huống pháp lý với nhà quản lý, các chuyên gia, đồng thời thông qua các hoạt động này đã thiết lập được diễn đàn trao đổi đa chiều, tạo điều kiện để cơ quan quản lý nhà nước lắng ng nghe, tiếp thu ý kiến phản hồi từ phía doanh nghiệp, từ đó đề xuất, kiến nghị hoàn thiện chính sách, pháp luật.

Thứ hai, tổ chức các chương trình bồi dưỡng kiến thức pháp luật kinh doanh cho doanh nghiệp bồi dư ng kỹ năng, nghiệp vụ cho cán bộ pháp chế doanh nghiệp và cán bộ thực hiện công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp. Các chuyên đề cần tập trung vào các lĩnh vực liên quan trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp như: pháp luật về quản trị doanh nghiệp, hợp đồng, lao động và bảo hiểm xã hội, pháp luật về thuế, kế toán, pháp luật về cạnh tranh, sở hữu trí tuệ, đầu tư... kỹ năng, nghiệp vụ cho cán bộ pháp chế doanh nghiệp như kỹ năng phổ biến, tuyên truyền pháp luật, kỹ năng tư vấn pháp luật, kỹ năng soạn thảo, đàm phán, ký kết hợp đồng trong kinh doanh kỹ năng giải quyết tranh chấp trong kinh doanh

Thứ ba, tăng cường xây dựng, đăng tải, phát sóng các chương trình phổ biến pháp luật cho doanh nghiệp trên đài, báo, tạp chí, bản tin và các phương tiện truyền thông khác. Trong đó, ch trọng việc tuyên truyền những thay đổi, những điểm mới của pháp luật về kinh doanh hiện hành, phân tích những tác động của sự thay đổi đó đối với hoạt động của doanh nghiệp; cung cấp các tình huống pháp lý, những vướng mắc trong thực tiễn thường gặp và cảnh báo những rủi ro pháp

lý khi doanh nghiệp không tuân thủ quy định, từ đó đề xuất các giải pháp tháo gỡ vướng mắc cho doanh nghiệp

Thứ tư, duy trì, thiết lập mạng lưới tư vấn pháp luật cho doanh nghiệp tại các địa phương có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn nhằm thiết lập hệ thống cộng tác viên trực tiếp giải đáp, trả lời những khó khăn cho doanh nghiệp nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp khởi nghiệp trong công tác thực thi pháp luật.

Thứ năm, cập nhật thường xuyên, có hệ thống các chính sách, văn bản pháp quy bao gồm văn bản luật, văn bản dưới luật liên kết với các cơ sở dữ liệu pháp luật hiện có ở các trang thông tin làm nguồn dữ liệu phân loại có hệ thống văn bản pháp quy theo từng lĩnh vực chuyên môn: thuế, hải quan, doanh nghiệp, đầu tư, đất đai, cạnh tranh, thương mại quốc tế các chính sách ưu đãi về đất đai, thuế, các quy định trong thương mại quốc tế....

Bên cạnh đó, các doanh nghiệp phải luôn song hành cùng với cơ quan nhà nước, các tổ chức đại diện của doanh nghiệp trong quá trình hoạt động sản xuất, kinh doanh. Thường xuyên cung cấp các thông tin về khó khăn, vướng mắc, nhu cầu cần hỗ trợ pháp lý cho cơ quan nhà nước tin tưởng vào khả năng và nội dung tư vấn, hỗ trợ của cơ quan nhà nước sẵn sàng sử dụng các dịch vụ tư vấn, hỗ trợ pháp lý, nhất là việc lựa chọn các hình thức giải quyết tranh chấp khi có các tranh chấp xảy ra.

Thứ sáu, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp thông qua các hình thức, phương tiện, công nghệ thông tin hiện đại nhằm truyền tải, thực hiện các hình thức hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp hiệu quả trong thời đại công nghệ 4.0 hiện nay. Với việc chú trọng ứng dụng công nghệ thông tin trong các hoạt động, nhất là việc thông tin, tuyên truyền về pháp luật hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp, các hình thức hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp trên các phương tiện thông tin đại chúng sẽ nâng cao năng lực sử dụng các phương tiện công nghệ thông tin trong hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp của các cán bộ, công chức cơ quan nhà nước nói chung và thực hiện



sử dụng, thụ hưởng các hình thức hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp của các doanh nghiệp, người lao động nói riêng sẽ được nâng cao, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp, đáp ứng nhu cầu hỗ trợ pháp lý đa dạng của doanh nghiệp.

Thứ bảy, hoàn thiện chế độ khen thưởng, xử lý vi phạm trong hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp. Kịp thời động viên, khen thưởng đối với cá nhân, cơ quan, tổ chức có thành tích trong hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp. Bộ Tư pháp cần có các chế độ khen thưởng khích lệ cho các cá nhân, tổ chức làm công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong việc thực hiện các hình thức hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp, nhất là việc thông tin kịp thời, chính xác các thông tin pháp lý cho doanh nghiệp khi có yêu cầu, thực hiện giải đáp pháp luật cho doanh nghiệp, tiếp nhận và xử lý các kiến nghị của doanh nghiệp về hoàn thiện pháp luật; xử lý nghiêm, kiên quyết thay thế những công chức những nhiều, gây phiền hà, vi phạm đạo đức, lối sống và chuyên môn nghiệp vụ về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp.

Đối với công chức phải bồi thường thiệt hại trong trường hợp thực hiện không đúng hoặc không thực hiện việc hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp thông qua các hình thức như thông tin pháp lý cho doanh nghiệp khi có yêu cầu, thực hiện giải đáp pháp luật cho doanh nghiệp, tiếp nhận và xử lý các kiến nghị của doanh nghiệp về hoàn thiện pháp luật. Đối với các tổ chức đại diện cho doanh nghiệp và các cá nhân, doanh nghiệp cũng phải xử lý nghiêm nếu có hành vi vi phạm trong quá trình thực hiện các hình thức hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp hình thức, gây lãng phí ngân sách của nhà nước và kịp thời khen thưởng bằng các hình thức khen thưởng xứng đáng đối với kết quả hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp.

### TIỂU KẾT CHƯƠNG 3

Kết quả nghiên cứu của Chương 3 đề luận giải về định hướng hoàn thiện pháp luật và các giải pháp nâng cao hiệu quả hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp ở Việt Nam hiện nay. Các định hướng hoàn thiện và thực hiện pháp luật về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp xuất phát từ đường lối của Đảng về cải cách hành chính nhằm đáp ứng yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam, Xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân; đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp, nhất là cộng đồng doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Việt Nam, cộng đồng doanh nghiệp chiếm tỷ lệ 97,7% trong tổng số doanh nghiệp đang hoạt động tại Việt Nam hiện nay vừa yếu về công nghệ, thiếu về nguồn vốn, nhân lực, nhưng quan trọng nhất là ý thức pháp luật, nhận thức pháp lý trong kinh doanh còn nhiều điểm hạn chế cần phải được hỗ trợ pháp lý nhằm tăng cường ý thức pháp luật, nhận thức pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, nâng cao sức cạnh tranh của doanh nghiệp không chỉ trong thị trường trong nước mà còn vươn ra cả thị trường thế giới.

Các giải pháp đề xuất đồng bộ từ định hướng xây dựng và hoàn thiện pháp luật đến thực thi pháp luật, tuyên truyền, nâng cao hiệu quả hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp đến huy động sự tham gia tích cực của các cơ quan, tổ chức đại diện cho doanh nghiệp và doanh nghiệp vào hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp mà Nhà nước đang thực hiện. Các giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp tại Việt Nam hiện nay và trong thời gian tới được nghiên cứu và đề xuất trong Chương 3 của Khóa luận trên cơ sở tham khảo kinh nghiệm nước ngoài, thực tiễn hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp ở Việt Nam trong thời gian qua, trên cơ sở có tính đến lộ trình lâu dài cũng như các kiến nghị cụ thể nhằm tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc từ thực tiễn hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp ở Việt Nam hiện nay như: hoàn thiện quy định pháp luật về các hình thức hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp; hoàn thiện quy định pháp luật để đảm bảo kinh phí cần thiết cho công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp; nâng cao vai trò, trách nhiệm của các cơ quan nhà nước và các tổ chức đại diện cho doanh nghiệp trong công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp. Ngoài ra, đề

nâng cao hiệu quả hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp thì Chương này cũng đã nghiên cứu, phân tích và đề xuất các giải pháp nhằm tăng cường tuyên truyền, phổ biến pháp luật về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp; tăng cường sự phối hợp giữa các cơ quan nhà nước với các tổ chức đại diện cho doanh nghiệp, giữa Trung ương và địa phương trong công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp.

Các yêu cầu và giải pháp được nghiên cứu, đề xuất nhằm góp phần hoàn thiện pháp luật, nâng cao hiệu quả hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp tại Việt Nam, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp, hạn chế rủi ro pháp lý trong kinh doanh, tái cơ cấu nền kinh tế sau giai đoạn khó khăn hiện nay khi tình hình dịch bệnh ảnh hưởng đến phát triển kinh tế toàn cầu, cạnh tranh giữa các doanh nghiệp trong và ngoài nước ngày càng cao, góp phần hỗ trợ thúc đẩy sự phát triển của kinh tế - xã hội đất nước.

## KẾT LUẬN

Hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa có vai trò quan trọng đối với sự phát triển của nền kinh tế- xã hội ở Việt Nam hiện nay và trong thời gian tới nhằm mục đích triển khai đồng bộ các hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp, tạo chuyển biến căn bản về nhận thức pháp lý, ý thức pháp luật và thói quen tuân thủ pháp luật của doanh nghiệp; tạo lập các điều kiện cần thiết phục vụ hoạt động thực thi pháp luật để giúp doanh nghiệp kinh doanh có hiệu quả; phòng chống rủi ro pháp lý và tăng cường năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp; góp phần nâng cao công tác quản lý nhà nước bằng pháp luật đối với doanh nghiệp. Với tư cách là một trong những hình thức hỗ trợ của nhà nước đối với doanh nghiệp đã được ghi nhận trong các chủ trương của Đảng, Chính phủ, quy định pháp luật, trong đó tập trung doanh nghiệp nhỏ và vừa để doanh nghiệp tồn tại và phát triển trong nền kinh tế thị trường, các vấn đề về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp tất yếu phải được tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện các quy định pháp luật. Việc nghiên cứu pháp luật về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp là điều hết sức cần thiết, nhằm tìm ra mô hình điều chỉnh pháp luật phù hợp đối với chúng, bảo đảm sự hoàn thiện và phát triển ổn định ngày càng tốt hơn trong nền kinh tế - xã hội của đất nước. Đây là một bộ phận cấu thành pháp luật về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa của Nhà nước nằm trong cấu trúc pháp luật về hỗ trợ doanh nghiệp tư nhân phát triển, hỗ trợ doanh nghiệp khởi sự, sáng tạo. Đây là trách nhiệm về pháp lý của Nhà nước và xã hội nói chung đối với cộng đồng doanh nghiệp nhỏ và vừa, các doanh nghiệp khởi nghiệp, sáng tạo, cả các hộ kinh doanh cá thể, hợp tác xã, các cá nhân, tổ chức kinh doanh khác, là cơ chế hỗ trợ đặc biệt của nhà nước, tuy nhiên trải qua quá trình áp dụng vẫn còn có những khiếm khuyết, những điểm chưa thực sự phù hợp nên chưa đáp ứng được nhu cầu cần hỗ trợ của doanh nghiệp, nhiều quy định còn chưa rõ, chung chung, do đó, khi áp dụng vào điều kiện cụ thể của Việt Nam thì chưa thực sự bảo đảm được tính khả thi.

Các giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp được trình bày trong Khóa luận có tính chất động bộ, hệ thống, có tính đến lâu dài, nâng cao hiệu quả trong hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp. Từ giải

pháp (i) tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp đối với cán bộ, công chức quản lý nhà nước và đối với doanh nghiệp; đến việc (ii) tăng cường phối hợp giữa các cơ quan nhà nước với tổ chức đại diện cho doanh nghiệp; giữa cơ quan Trung ương và địa phương trong công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp; hay việc (iii) tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp.

Tóm lại, các giải pháp được trình bày trong Khóa luận được phân tích và đề xuất trên cơ sở luận cứ khoa học và nghiên cứu pháp luật, thực tiễn thi hành hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp trong thời gian quan nhằm đưa ra các giải pháp đồng bộ, có tính khả thi, phù hợp với thực tiễn hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp hiện nay và định hướng trong thời gian tới, nhất là trong những năm tới đối mặt với các xung đột chiến tranh do các nước nằm ngoài khu vực Việt Nam hay thậm chí có thể là dịch bệnh tương tự như những năm trước, việc quan tâm hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp vượt qua giai đoạn khó khăn để có thể nâng cao năng lực cạnh tranh và hội nhập kinh tế quốc tế đòi hỏi phải có sự vào cuộc quyết liệt của các cơ quan có liên quan từ Trung ương tới địa phương trên cả nước và các cơ quan đại diện ở nước ngoài, các tổ chức đại diện cho doanh nghiệp và bản thân các doanh nghiệp.

## DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 03/6/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.
2. Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2017.
4. Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017.
5. Chính phủ, Nghị định số 55/2019/NĐ-CP ngày 24/6/2019 về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, Hà Nội.
6. Chính phủ, Nghị định số 66/2008/NĐ-CP ngày 28/5/2008 về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp, Hà Nội.
7. Chính phủ, Nghị định số 39/2018/NĐ-CP ngày 11/3/2018 về hướng dẫn Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, Hà Nội.
8. Chính phủ, Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 16/5/2016 về hỗ trợ phát triển doanh nghiệp đến năm 2020, Hà Nội.
9. Cổng thông tin của Bộ tư pháp về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp
10. Bộ trưởng Bộ Tư pháp, Quyết định số 1696/QĐ-BTP ngày 25/7/2019 về việc công bố thủ tục hành chính lĩnh vực hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa thuộc phạm vi chức năng quản lý
11. Bộ Tài chính (2019), Thông tư 57 2019 TT-BTC ngày 26/8/2019 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn cơ chế xử lý rủi ro của a Quỹ bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp vừa và nhỏ.
12. Bộ kế hoạch và Đầu tư (2015). Báo cáo Tổng kết Nghị định số 56/2009/NĐ-CP của Chính phủ về trợ giúp doanh nghiệp vừa và nhỏ
13. Ban Chỉ đạo Chương trình hỗ trợ pháp lý liên ngành dành cho doanh nghiệp giai đoạn 2010-2014 (2014), Báo cáo kết quả thực hiện năm 2013, triển khai kế hoạch năm 2014, Hà Nội
14. Cổng thông tin Sở tư pháp tỉnh Nam Định
15. Phạm Thị Kim Oanh (2015). Thực thi chính sách hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa tại tỉnh Vĩnh Phúc”, Luận văn thạc sĩ quản lý kinh tế

16. *Pháp luật về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Việt Nam – Thực trạng và một số giải pháp hoàn thiện / ThS. Nguyễn Nhật Lệ (2019)*
17. *Các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa tại tỉnh Sơn La / ThS. Nguyễn Phúc Việt (2020)*
18. *Pháp luật về Hỗ trợ của nhà nước đối với doanh nghiệp vừa và nhỏ ở Việt Nam hiện nay / TS. Bùi Bảo Tuấn (2020)*
19. *Hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp – Pháp luật và thực tiễn thi hành / TS. Trần Minh Sơn (2020)*
20. *Tăng cường hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa – Báo chính phủ 2023*
21. *Tăng cường hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa – Báo dân chủ pháp luật 2023*
22. *Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa phục hồi sản xuất kinh doanh trong bối cảnh “bình thường mới” – Báo tạp chí ngân hàng*
23. *Nâng cao chất lượng pháp lý cho doanh nghiệp – Báo nhân dân 2022*
24. *Tiếp tục tăng cường chất lượng, hiệu quả hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ - Báo pháp luật 2023*
25. [vingrop.net](http://vingrop.net)
26. [thegioididong.com](http://thegioididong.com)
27. [www.moj.gov.vn](http://www.moj.gov.vn).
28. [www.mpi.gov.vn](http://www.mpi.gov.vn).
29. [www.sotuphap.hanoi.gov.vn](http://www.sotuphap.hanoi.gov.vn)
30. [tuphap.hatinh.gov.vn](http://tuphap.hatinh.gov.vn)
31. [www.vinasme.vn](http://www.vinasme.vn)
32. [www.vcci.com.vn](http://www.vcci.com.vn).